(Tiếp theo Công báo điện tử số 281 + 282)

Phụ lục XCIII

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp đối với nghề: "Nghiệp vụ bar"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND)

A. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- **Tên nghề:** **Nghiệp vụ bar**
- **Trình độ đào tạo:** Sơ cấp I
- **Thời gian đào tạo:** *300 giờ (Lý thuyết: 58 giờ; thực hành: 242 giờ)*
- **Đối tượng tuyển sinh:** Từ 18 tuổi trở lên, biết đọc biết viết, có sức khỏe phù hợp với nghề cần học.
- **Bằng cấp sau khi tốt nghiệp:** Chứng chỉ sơ cấp I

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- Mô tả được các quy trình nghiệp vụ cơ bản trong bộ phận pha chế.

- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ sử dụng tại bộ phận pha chế.

- Mô tả được các loại đồ uống có cồn, không cồn.

- Phân biệt được các phương pháp pha chế.

- Nhận biết được các loại rượu pha chế.

2. Về kỹ năng

- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị, dụng cụ quầy bar.

- Pha chế và phục vụ các loại đồ uống không cồn, có cồn theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và mỹ thuật.

- Thực hiện quy trình pha chế và phục vụ đồ uống cho khách theo đúng tiêu chuẩn, đảm bảo an toàn.

- Thực hiện được quy trình làm vệ sinh, bảo dưỡng các loại trang thiết bị, dụng cụ theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

3. Thái độ

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp trong công việc.

- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, kỷ luật trong công việc.

- Cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác đúng khi thực hiện các kỹ năng.

- Có khả năng tự học tập, phát triển và chuyển đổi nghề nghiệp.

II. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

TT	Tên chương mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
MĐ01	Nghiệp vụ pha chế	60	16	44
MĐ02	Pha chế và phục vụ thức uống không cồn	100	16	84
MĐ03	Pha chế và phục vụ thức uống có cồn	140	26	114
TỔNG CỘNG		**300**	**58**	**242**

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT NGHỀ NGHIỆP VỤ BAR

Bảng 1: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: NGHIỆP VỤ PHA CHẾ

Tên nghề: **Nghiệp vụ Bar**

Tên mô đun: **Nghiệp vụ pha chế**

Mã mô đun: MĐ01

Trình độ đào tạo: Sơ cấp I

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**2,90**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,46	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	2,44	

II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,14**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
A	**THIẾT BỊ DẠY LÝ THUYẾT**		
1	Máy tính	Hệ điều hành window 10 trở lên; Office 2016 trở lên	0,46
2	Loa	Âm thanh rõ, nói nhẹ, không hú	0,46
3	Máy chiếu, màn chiếu	Cường độ chiếu sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phông chiếu: ≥ (1800x1800) mm	0,46
4	Bảng trắng	Bảng 60cm x 100cm Có bánh xe di chuyển	0,46
5	Micro không dây	Bắt âm tốt, không hú rít, không vỡ tiếng. Khoảng cách sử dụng: 50m Tần số: 700 -770 kHz Độ méo tiếng: 0,5%	0,46
B	**THIẾT BỊ DẠY THỰC HÀNH**		
1	Quầy bar pha chế	Kích thước: theo diện tích phòng học Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	2,44
2	Tủ đựng ly	Kích thước: theo diện tích phòng học Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	2,44
3	Ghế quầy bar	Kích thước: W460 x D460 x H(750 - 970)mm Ghế bar mặt nhựa hình đĩa	2,44
4	Máy làm đá viên	Năng suất làm đá: 100kg/ngày Tần số: 50 Hz Điện áp: 220V	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		Công suất: 750W Vỏ máy: inox	
5	Máy làm đá bào	Điện áp: 220V/50Hz Công suất: 500W Năng suất: 80kg/h Tốc độ quay: 2200 vòng/phút	2,44
6	Máy làm đá vụn	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	2,44
7	Tủ lạnh	- Dung tích: 300 lít - Dòng điện: 220V/50Hz/1.5A	2,44
8	Máy xay cà phê	Nhãn hiệu: M80 auto - Màu sắc: đen - Công suất:300W - Khối lượng:12kg - Xuất xứ: Ý	2,44
9	Máy cà phê espresso	- Nhãn hiệu: BFC Classic Eva - Màu sắc: Bạc - Trọng lượng:70kg - Công suất: 3700W - Xuất xứ: Ý	2,44
10	Máy xay sinh tố	- Nhãn hiệu: Hamilton - Dung tích: 1,8L - Công suất: 1000W - Điện áp: 220 -240V	2,44
11	Máy ép trái cây	- Nhãn hiệu: Philips - Dung tích: 1,5L - Công suất: 500W - Điện áp: 220 -240V	2,44
12	Máy vắt cam,chanh	- Công suất: 25W - Chất liệu vỏ: nhựa - Điện áp: 220V-240V	2,44
13	Bình xóc lắc (Standard shaker)	- 350 ml - 550 ml	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- 750 ml	
14	Bình xóc lắc (Boston shaker)	- Body shaker: 28oz - Mixing glass	2,44
15	Bình xóc lắc (American shaker)	- Body shaker: 28oz - Mixing inox	2,44
16	Đồ đong - pony, jigger	- 15/30 ml - 30/45 ml - 20/40ml - 30/60 ml	2,44
17	Ly đong nhựa	- 100 ml - 250 ml - 500 ml - 1000 ml	2,44
18	Vòi rót - Free pourer	Chất liệu: inox	2,44
19	Vòi rót - Speed pourer	Chất liệu nhựa, có bi lăn	2,44
20	Lược rượu - Bar strainer	Chất liệu: inox	2,44
21	Lược rượu (lược lưới)	Chất liệu: inox	2,44
22	Dao nhỏ	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	2,44
23	Dao lớn	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	2,44
24	Dao tỉa	- Kích cỡ: dài 15cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	2,44
25	Dao bào	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	2,44
26	Dụng cụ bào vỏ chanh	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	2,44
27	Thớt	- Kích cỡ: 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Màu: trắng	
28	Gắp trang trí- garnish tongs	- Kích cỡ: 11 cm - chất liệu: inox - Hình dáng: đầu tròn	2,44
29	Nhíp gắp trang trí	- Kích cỡ: 20 cm - chất liệu: inox	2,44
30	Cây dằm pha chế	- Chất liệu: nhựa cứng - Kích thước: 21 cm	2,44
31	Dụng cụ viền miệng ly-Bar rimmer	- Chất liệu: nhựa - Màu sắc: đen	2,44
32	Xúc đá	- Chất liệu: inox - Kích thước: dài 25 cm	2,44
33	Xô ướp lạnh rượu vang	- Chất liệu: inox - Đường kính: 22 cm - Chiều cao: 25 cm - Thể tích: 6L - Chân xô: 80cm	2,44
34	Nắp đóng chai rượu vang - wine stopper	Chất liệu: inox	2,44
35	Nắp đóng chai rượu champagne-champagne stopper	Chất liệu: inox	2,44
36	Đồ khui rượu vang	- Chất liệu inox/ thép - Kích thước: 15 cm	2,44
37	Đồ khui bia	- Chất liệu: inox - Kích thước: 15 cm	2,44
38	Nắp gài giữ chai úp ngược	- Chất liệu: nhựa - Màu sắc: tuỳ chọn	2,44
39	Mâm bê thức uống	- Loại tròn - 40cm - Loại chữ nhật 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: nâu	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
40	Kéo	Loại thông dụng trên thị trường	2,44
41	Cây khuấy dài - bar spoon	- Kích thước: 32 cm - Chất liệu: inox	2,44
42	Cây khuấy ngắn	- Kích thước: 12 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	2,44
43	Muỗng khuấy dài	- Kích thước: 22 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	2,44
44	Muỗng cà phê cán dài	- Kích thước: 18,5 x 2,6 cm - Chất liệu: inox	2,44
45	Muỗng súp	- Kích thước: 18 x 4 cm/ dày 1,5 mm - Chất liệu: inox	2,44
46	Ray lược lớn	- Đường kính: 20 cm - Chất liệu: inox	2,44
47	Bình đựng nước trái cây - juice containers	- Dung tích: 1L - Chất liệu: nhựa trắng	2,44
48	Hộp đựng trang trí	- 6 ngăn, có nắp đậy - Chất liệu nhựa - Màu: trắng,đen - Kích cỡ: 50 x 15 x 10 cm	2,44
49	Lót ly	- Hình dáng: tròn, vuông - Chất liệu: giấy, vải, nhựa	2,44
50	Ống hút thẳng	Phi 8	2,44
51	Ống hút bẻ cong	Phi 6	2,44
52	Ống hút nghệ thuật	Phi 6	2,44
53	Cây trang trí - cocktail parasols	- Hình dáng: dù, trái cây - Màu sắc: đa dạng - Chất liệu: gỗ, giấy	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
54	Cây xiên trang trí - cocktail picks	- Hình dáng: đa dạng - Màu sắc: đa dạng - Chất liệu: nhựa, inox, tre	2,44
55	Khăn giấy	- Kích thước: 33 x 33 cm - Chất liệu: bột giấy nguyên chất - Màu sắc: trắng	2,44
56	Khăn lau ly	- Chất liệu: vải không xù lông, không bụi vải - Màu sắc: trắng - Kích thước: 45 x 45 cm	2,44
57	Khăn lau bàn	- Chất liệu: vải thấm hút tốt - Màu sắc: đa dạng	2,44
58	Cây rửa ly	- Chất liệu: mút xốp ,cán nhựa - Màu sắc: nhiều màu - Kích thước: 25 x 5 cm	2,44
59	Bọt biển rửa ly	- Kích thước: 10,7 x 6,7 x 3,5 cm - Màu sắc: xnah vàng	2,44
60	Cước nhôm chà rửa	Hình dáng: tròn, búi sợi	2,44
61	Tấm lót cao su pha chế	- Hình dáng: gai cao su nổi lên - Chất liệu : cao su - Kích thước : 60 cm x 30 cm, Dày: 0.9 cm	2,44
62	Cây đánh bọt cà phê	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: đa dạng	2,44
63	Phin pha cà phê	- Kích thước: 7cm - 9cm - Chất liệu: inox	2,44
64	Nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ nước	- Phạm vi nhiệt độ: -50 độ-300 độ (-58 - 572 độ F) - Thời gian phản ứng: 5 giây - Pin: pin đồng xu (1 * LR44) - Độ phân giải: 0,1 độ C / 0,1 độ F	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Màu sắc: Trắng - Chất liệu: ABS - Kích thước: 10x6x3cm	
65	Thau	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 32 x 12 cm	2,44
66	Rổ	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 30 x 10 cm	2,44
67	Chén	- Chất liệu: inox - Kích thước: đường kính 15 cm	2,44
68	Chén	- Chất liệu: inox - Kích thước: đường kính 15 cm	2,44
69	Dĩa nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 12cm, 15 cm - Màu sắc: trắng	2,44
70	Dĩa	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 25 cm - Màu sắc: trắng	2,44
71	Tô nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 15 cm - Màu sắc: trắng	2,44
72	Tô lớn	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 20 cm - Màu sắc: trắng	2,44
73	Tách trà & dĩa lót	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	2,44
74	Tách cà phê & dĩa lót	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	2,44
75	Hủ đựng đồ (dao, muỗng, ống hút….)	- Chất liệu: sứ - Kích thước: cao 15 cm - Màu sắc: đa dạng	2,44
76	Bình đựng nước -Pitcher	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 1,3L - 2L	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
77	Bình đựng nước (Carafe)	- chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 250 ml/ 500 ml	2,44
78	Bình chiết rượu vang (Wine Decanter)	- chất liệu: thuỷ tinh - Hình dáng: đa dạng - Dung tích: 1400 ml	2,44
79	Ly Shot	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 30 - 45 ml	2,44
80	Ly shooter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 60 - 90 ml	2,44
81	Ly Rocks	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 360 ml	2,44
82	Ly Highball	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 350 ml	2,44
83	Ly Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 400 ml	2,44
84	Ly Beer Mug	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 420 ml	2,44
85	Ly Mixing	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 500 - 700 ml	2,44
86	Ly Hurricane	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 450 ml	2,44
87	Ly Brandy Snifter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 300 - 450 ml	2,44
88	Ly Water Goblet	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 380 ml	2,44
89	Ly Irish Coffee	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 220 - 270 ml	2,44
90	Ly Footed Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 400 ml	2,44
91	Ly Absinthe	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 220 ml	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
92	Ly Champagne saucer	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	2,44
93	Ly Champagne flute	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	2,44
94	Ly champagne tulip	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	2,44
95	Ly Margarita	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 210 - 240 ml	2,44
96	Ly cocktail	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 150 - 300 ml	2,44
97	Ly double cocktail	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 210 - 300 ml	2,44
98	Ly Poco Gramande	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 320 - 360 ml	2,44
99	Ly Martini	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 90 - 120 ml	2,44
100	Ly Liqueur	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 30 - 90 ml	2,44
101	Ly vang đỏ	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 300 ml	2,44
102	Ly vang trắng	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 300 ml	2,44
103	Ly Port	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 60 - 90 ml	2,44

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Rượu White Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
2	Rượu Reposado Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
3	Rượu Gold Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
4	Rượu Anejo Tequila	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
5	Rượu Extra anejo Tequila	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
6	Rượu Neutral Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Smirnoff - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Nga	0,06
7	Rượu Flavored Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Absolut - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Citron	0,06
8	Rượu White Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Bacardi - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Cuba	0,06
9	Rượu Gold Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Bacardi - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Cuba	0,06
10	Rượu Dark Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Captain Morgan - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06
11	Rượu Flavored Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Captain Morgan Spice Rum - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06
12	Rượu Rum - Cachaca	Chai	- Nhãn hiệu: Cachaca 51 - Dung tích: 1000 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Xuất xứ: Brazil	
13	Rượu Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: St - Remy - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
14	Rượu Cognac	Chai	- Nhãn hiệu: Hennessy - VSOP - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
15	Rượu Armagnac	Chai	- Nhãn hiệu: Chapot - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
16	Rượu Blended Scotch Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Johnnie walker - Red Label - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06
17	Rượu Single Malt Scotch Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Glenfiddich - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06
18	Rượu Bourbon	Chai	- Nhãn hiệu: Jim Beam - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
19	Rượu Tennessee	Chai	- Nhãn hiệu: Jack Daniel’s - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
20	Rượu Irish Whiskey	Chai	- Nhãn hiệu: Jameson - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ireland	0,06
21	Rượu Canadian Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Canadian Club - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Canada	0,06
22	Rượu London dry Gin	Chai	- Nhãn hiệu: Gordon’s - Dung tích: 700 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Xuất xứ: Anh	
23	Rượu Dry Gin	Chai	- Nhãn hiệu: Sông Cái - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
24	Rượu Aromatic bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Angostura - Dung tích: 200ml - Xuất xứ: Trinidad	0,06
25	Rượu Aromatic bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Angostura - Dung tích: 200ml - Xuất xứ: Trinidad	0,06
26	Rượu Bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Campari - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
27	Rượu Anise	Chai	- Nhãn hiệu: Pernod - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
28	Rượu Anise	Chai	- Nhãn hiệu: Ricard - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
29	Rượu Absinthe	Chai	- Nhãn hiệu: Pere Kermann’s - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
30	Rượu Bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Fernet Branca - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
31	Rượu Pimm's	Chai	- Nhãn hiệu: Pimm’s $N^0$1 - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Anh	0,06
32	Rượu Cointreau	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
33	Rượu Gramand Marnier	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
34	Rượu Blue Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
35	Rượu Triple Sec	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
36	Rượu Orange Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
37	Rượu Benedictine	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
38	Rượu Drambuie	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06
39	Rượu Galliano	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
40	Rượu Crème de menth - Grameen	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
41	Rượu Crème de menth - white	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
42	Rượu Chartreuse	Chai	- Dung tích: 700 ml - Màu: xanh, vàng - Xuất xứ: Pháp	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
43	Rượu Parfait Amour	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
44	Rượu Jagermeister	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Đức	0,06
45	Rượu Amaretto	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
46	Rượu Crème de cacao - white	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
47	Rượu Crème de cacao - brown	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
48	Rượu Kahlúa	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: mexico	0,06
49	Rượu Tia Maria	Chai	- Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06
50	Rượu Sambuca	Chai	- Nhãn hiệu: Vaccari - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
51	Rượu Apricot Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
52	Rượu Cherry Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Xuất xứ: Pháp	
53	Rượu Peach Liqueur	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
54	Rượu Southern Comfort	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
55	Rượu Creme de Banana	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
56	Rượu Creme de Cassis	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
57	Rượu Midori	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Nhật	0,06
58	Rượu Malibu	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
59	Rượu Bailey's Irish Cream	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ireland	0,17
60	Rượu Amarula	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Nam phi	0,06
61	Rượu Sheridan's	Chai	- Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ireland	0,06
62	Rượu Mật Sim	Chai	- Nhãn hiệu: Bảy Gáo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
63	Rượu Sim chưng cất	Chai	- Nhãn hiệu: Sim Sơn - Dung tích: 600 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Xuất xứ: Việt Nam	
64	Rượu Lúa mới	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
65	Rượu Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Hà Nội - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
66	Rượu Bầu đá	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
67	Rượu Rosso Vermouth	Chai	- Nhãn hiệu: Martini - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
68	Rượu Dry Vermouth	Chai	- Nhãn hiệu: Martini - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
69	Rượu Sparkling wine	Chai	- Nhãn hiệu: Moscato - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
70	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Incio Cabernet Sauvignon - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Chile	0,06
71	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Gowers Gate Shiraz - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Úc	0,06
72	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Bordeaux 1697 Fontana - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
73	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Manu Pinot Noir - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: New Zealand	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
74	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Santa Chilena Merlot - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Chile	0,06
75	Rượu White wine 1697 Sauvignon Blanc	Chai	- Nhãn hiệu: 1697 Sauvignon Blanc - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: New Zealand	0,06
76	Rượu White wine	Chai	- Nhãn hiệu: Chilena Sauvignon Blanc - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Chile	0,06
77	Bia Heineken	Lon	- Dung tích: 330 ml - Xuất xứ: Hà Lan	0,11
78	Bia Tiger bạc	Lon	- Dung tích: 330 ml - Xuất xứ: Singapore	0,11
79	Bia Budweiser	Lon	- Dung tích: 330 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,11
80	Bia Guinness	Lon	- Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Ireland	0,11
81	Bia Tequila	Lon	- Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Pháp	0,11
82	Bia Corona	Chai	- Dung tích: 330 ml - Xuất xứ: Mexico	0,11
83	Bia Sài Gòn	Lon	- Dung tích: 330 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,11
84	Trái cây lên men Strongbow	Chai	- Dung tích: 330 ml - Mùi: Red Berries	0,11

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
85	Trái cây lên men Strongbow	Chai	- Dung tích: 330 ml - Mùi: Gold Apple	0,11
86	Bia không cồn	Lon	- Nhãn hiệu: Heineken - Dung tích: 330 ml - Xuất xứ: Hà Lan	0,11
87	Nước khoáng thiên nhiên không gas	Chai	- Nhãn hiệu: Vĩnh Hảo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,11
88	Nước khoáng thiên nhiên có gas	Chai	- Nhãn hiệu: Vĩnh Hảo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,11
89	Nước tinh khiết	Chai	- Nhãn hiệu: Aquafina - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,11
90	Coca Cola	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
91	Coca Zero	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
92	Pepsi	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
93	Twister	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
94	7 up	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
95	Nước nho Welch’s	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
96	Sting dâu	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
97	Redbull	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
98	Tonic	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,11
99	Bitter Lemon	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,11
100	Ginger Ale	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,11
101	Soda water	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,11

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
102	Club Soda	Lon	- Nhãn hiệu: Evervess - Dung tích: 330 ml	0,11
103	Giáo trình nghiệp vụ pha chế	Cuốn	Giáo trình của trường ban hành	1
104	Bút lông viết bảng	Cây	Loại thông dụng, màu mực đậm	0,02

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Định mức phòng học lý thuyết	1,7	0,46	0,78
2	Định mức phòng/Xưởng thực hành	4	2,44	9,76

Bảng 2: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: PHA CHẾ VÀ PHỤC VỤ THỨC UỐNG KHÔNG CỒN

Tên nghề: **Nghiệp vụ Bar**

Tên mô đun: **Pha chế và phục vụ thức uống không cồn**

Mã mô đun: MĐ02

Trình độ đào tạo: Sơ cấp I

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**5,12**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,46	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	4,66	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,25**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
A	**THIẾT BỊ DẠY LÝ THUYẾT**		
1	Máy tính	Hệ điều hành window 10 trở lên Office 2016 trở lên	0,46
2	Loa	Âm thanh rõ, nói nhẹ, không hú	0,46
3	Máy chiếu, màn chiếu	- Cường độ chiếu sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phông chiếu: ≥ (1800x1800) mm	0,46
4	Bảng trắng	Bảng 60cm x 100cm Có bánh xe di chuyển	0,46
5	Micro không dây	- Bắt âm tốt, không hú rít, không vỡ tiếng. - Khoảng cách sử dụng: 50m - Tần số: 700 -770 kHz	0,46

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Độ méo tiếng: 0,5%	
B	**THIẾT BỊ DẠY THỰC HÀNH**		
1	Quầy bar pha chế	- Kích thước: theo diện tích phòng học - Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	4,66
2	Tủ đựng ly	- Kích thước: theo diện tích phòng học - Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	4,66
3	Ghế quầy bar	- Kích thước: W460 x D460 x H(750 - 970)mm - Ghế bar mặt nhựa hình đĩa	4,66
4	Máy làm đá viên	- Năng suất làm đá: 100kg/ngày - Tần số: 50 Hz - Điện áp: 220V - Công suất: 750W - Vỏ máy: inox	4,66
5	Tủ mát	- Dung tích: 700 lít - Dòng điện: 220V/50Hz/1.5A	4,66
6	Tủ mát	- Dung tích: 106 lít - Dòng điện: 220V/50Hz/1.5A - Kiểu dáng tủ: 1 ngăn đông, 1 ngắn mát	4,66
7	Máy xay sinh tố	- Nhãn hiệu: Vitamix - Dung tích: 2 Lít - Công suất: 1200W - Điện áp: 220 -240V	4,66
8	Máy ép chậm	- Nhãn hiệu: Panasonic - Ống tiếp nguyên liệu: 35 mm - Công suất: 150 W - Điện áp: 220 -240V	4,66
9	Máy ép trái cây	- Nhãn hiệu: Philips - Dung tích: 1,5L - Công suất: 700W	4,66

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Điện áp: 220 -240V	
10	Máy vắt cam,chanh	- Công suất: 25W - Chất liệu vỏ: nhựa - Điện áp: 220V-240V	4,66
11	Bình xóc lắc (Standard shaker)	550 ml	4,66
12	Vá múc canh	Kích thước : 22cm/29cm	4,66
13	Vá lỗ	Kích thước : 22cm/29cm	4,66
14	Ca inox có nắp	Dung tích: 2 Lít	4,66
15	Ca đánh sữa inox	Dung tích: 600ml	4,66
16	Ly đong nhựa	- 100 ml - 250 ml	4,66
17	Dụng cụ múc trái cây viên tròn	Chất liệu: inox	4,66
18	Muỗng múc kem	Chất liệu: inox	4,66
19	Đồ khui hộp	Chất liệu: inox	4,66
20	Vợt hủ tiếu	Chất liệu: inox	4,66
21	Dao nhỏ	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	4,66
22	Dao lớn	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	4,66
23	Dao bào	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	4,66
24	Thớt	- Kích cỡ: 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu: trắng	4,66
25	Gắp trang trí - garnish tongs	- Kích cỡ: 11 cm - chất liệu: inox - Hình dáng: đầu tròn	4,66
26	Nhíp gắp trang trí	- Kích cỡ: 20 cm - Chất liệu: inox	4,66

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
27	Cây dằm pha chế	- Chất liệu: nhựa cứng - Kích thước: 21 cm	4,66
28	Xúc đá	-Chất liệu: inox - Kích thước: dài 25 cm	4,66
29	Kéo	Loại thông dụng trên thị trường	4,66
30	Cây khuấy dài - bar spoon	- Kích thước: 32 cm - Chất liệu: inox	4,66
31	Cây khuấy ngắn	- Kích thước: 12 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	4,66
32	Muỗng khuấy dài	- Kích thước: 22 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	4,66
33	Muỗng cà phê cán dài	- Kích thước: 18,5 x 2,6 cm - Chất liệu: inox	4,66
34	Muỗng cà phê cán ngắn	- Kích thước: 12 x 2,4 cm Chất liệu: inox	4,66
35	Ray lược lớn	- Đường kính: 20 cm - Chất liệu: inox	4,66
36	Hộp đựng trang trí	- 6 ngăn, có nắp đậy - Chất liệu nhựa - Màu: trắng,đen - Kích cỡ: 50 x 15 x 10 cm	4,66
37	Ống hút thẳng	- Phi 6 - Phi 8 - Phi 12	4,66
38	Ống hút bẻ cong	Phi 6	4,66
39	Ống hút nghệ thuật	Phi 6	4,66
40	Cây xiên trang trí	- Hình dáng: đa dạng - Màu sắc: đa dạng	4,66

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Chất liệu: nhựa, inox, tre	
41	Khăn lau ly	- Chất liệu: vải không xù lông, không bụi vải - Màu sắc: trắng - Kích thước: 45 x 45 cm	4,66
42	Khăn lau bàn	- Chất liệu: vải thấm hút tốt - Màu sắc: đa dạng	4,66
43	Cây rửa ly	- Chất liệu: mút xốp ,cán nhựa - Màu sắc: nhiều màu - Kích thước: 25 x 5 cm	4,66
44	Bọt biển rửa ly	- Kích thước: 10,7 x 6,7 x 3,5 cm - Màu sắc: xnah vàng	4,66
45	Cước nhôm chà rửa	Hình dáng: tròn, búi sợi	4,66
46	Tấm lót cao su pha chế	- Hình dáng: gai cao su nổi lên - Chất liệu : cao su - Kích thước : 60 cm x 30 cm, Dày: 0.9 cm	4,66
47	Cây đánh bọt cà phê	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: nhựa - màu sắc: đa dạng	4,66
48	Phin pha cà phê	- Kích thước: 7cm - 9cm - Chất liệu: inox	4,66
49	Nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ nước	- Phạm vi nhiệt độ: -50 độ-300 độ (-58 - 572 độ F) - Thời gian phản ứng: 5 giây - Pin: pin đồng xu (1 * LR44) - Độ phân giải: 0,1 độ C / 0,1 độ F - Màu sắc: Trắng - Chất liệu: ABS - Kích thước: 10x6x3cm	4,66
50	Thau	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 32 x 12 cm - Kích cỡ :32 x 40 cm	4,66

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
51	Rổ	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 30 x 10 cm	4,66
52	Nồi ủ trân châu	Chất liệu: inox	4,66
53	Chén nhỏ	- Chất liệu: inox - Kích thước: đường kính 15 cm	4,66
54	Dĩa nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 12cm, 15 cm - Màu sắc: trắng	4,66
55	Tô thủy tinh nhỏ	- Chất liệu: thủy tinh - Kích thước: đường kính 15 cm	4,66
56	Tô thủy tinh lớn	- Chất liệu: thủy tinh - Kích thước: đường kính 30 cm	4,66
57	Tách cà phê và dĩa lót	- Chất liệu: sành sứ - Tách: dung tích 250 ml - Kích thước dĩa lót: đường kính 16cm	4,66
58	Bếp gas mini	Loại thông dụng trên thị trường	4,66
59	Gas mini	Loại thông dụng trên thị trường	4,66
60	Bình làm kem	- Chất liệu: thép không rỉ - Nhãn hiệu: isi - Xuất xứ: mỹ-áo - Dung tích: 0,5 Lít /1 Lít	4,66
61	Bình làm soda	- Chất liệu: thép không rỉ - Nhãn hiệu: isi - Xuất xứ: áo - Dung tích: 1 Lít	4,66
62	Hủ đựng đồ (dao, muỗng, ống hút….)	- Chất liệu: sứ - Kích thước: cao 15 cm - Màu sắc: đa dạng	4,66
63	Ly Rocks	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 360 ml	4,66
64	Ly Highball	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 350 ml	4,66

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
65	Ly Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 400 ml	4,66
66	Ly Beer Mug	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 420 ml	4,66
67	Ly Mixing	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 500 - 700 ml	4,66
68	Ly Hurricane	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 450 ml	4,66
69	Ly Water Goblet	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 380 ml	4,66
70	Ly Irish Coffee	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 220 - 270 ml	4,66
71	Ly Footed Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 400 ml	4,66
72	Ly Poco Gramande	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 320 - 360 ml	4,66
73	Mâm bê thức uống	- Loại tròn - 40cm - Loại chữ nhật 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: nâu	4,66

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Si rô Đào (Peach)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
2	Si rô Dâu (Strawberry)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
3	Si rô Táo xanh (Grameen Apple)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Xuất xứ: Pháp	
4	Si rô Kiwi	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
5	Si rô Vải (Lychee)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
6	Si rô Dưa (Melon)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
7	Si rô Trà xanh (Matcha)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
8	Si rô Lá dứa (Pandan)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
9	Si rô Sả (LemonGramass)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
10	Si rô Tiramisu	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
11	Si rô Hạt dẻ (Hazelnut)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
12	Si rô Vani (Vanilla)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
13	Si rô Sô cô la Cookie	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
14	Si rô Bạc hà xnah (Menthe Verte)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
15	Si rô Hoa hồng (Rose)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
16	Si rô Chanh (Lemon)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
17	Si rô Blue Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
18	Si rô Xoài (Mangue)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
19	Si rô Ổi (Guave)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
20	Si rô Dưa hấu (Watermelon)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
21	Si rô Dừa (Coconut)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
22	Si rô Lựu (Gramenadine)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
23	Si rô Cherry	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
24	Si rô Hoa cơm cháy (Elder Flower)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
25	Si rô Dưa leo (Concombre)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
26	Si rô Cam đỏ (Orange Sanguine)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
27	Si rô Biệt quất (Blueberry)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
28	Si rô Mojito	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
29	Si rô đào	Chai	- Nhãn hiệu: nana - Dung tích: 600 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
30	Si rô chanh dây	Chai	- Nhãn hiệu: nana - Dung tích: 600 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
31	Xốt đào	Chai	- Nhãn hiệu: osterberg - Dung tích: 1 lít - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
32	Xốt việt quốc	Chai	- Nhãn hiệu: osterberg - Dung tích: 1 lít - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
33	Xốt phúc bồn tử	Chai	- Nhãn hiệu: osterberg - Dung tích: 1 lít - Xuất xứ: Việt Nam	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
34	Xốt chanh dây	Chai	- Nhãn hiệu: osterberg - Dung tích: 1 lít - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
35	Xốt dâu	Chai	- Nhãn hiệu: osterberg - Dung tích: 1 lít - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
36	Xốt ổi	Chai	- Nhãn hiệu: golden farm - Dung tích: 800 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
37	Xốt xoài	Chai	- Nhãn hiệu: golden farm - Dung tích: 800 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
38	Xốt kiwi	Chai	- Nhãn hiệu: golden farm - Dung tích: 800 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
39	Xốt dâu	Chai	- Nhãn hiệu: golden farm - Dung tích: 800 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
40	Xốt sô cô la	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 1,8 lít - Xuất xứ: Pháp	0,06
41	Xốt caramel	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 1,8 lít - Xuất xứ: Pháp	0,06
42	Trà đào	Gram	Nhãn hiệu: cozy	2,78
43	Trà dâu	Gram	Nhãn hiệu: cozy	2,78
44	Hồng trà	Gram	Nhãn hiệu: cozy	2,78
45	Trà vải	Gram	Nhãn hiệu: cozy	2,78
46	Trà phúc bồn tử	Gram	Nhãn hiệu: dilmah	2,78
47	Trà bá tước	Gram	Nhãn hiệu: dilmah	2,78
48	Trà Hoa Bụp Giấm	Gram	Nhãn hiệu cozy	2,78

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
	(Hibicus)			
49	Lục trà lài	Gram	Nhãn hiệu: Wao	5,56
50	Trà đen	Gram	Nhãn hiệu: King	5,56
51	Trà oolong	Gram	Nhãn hiệu: phúc long	2,78
52	Muối ăn	Gram	Nhãn hiệu: eurodeli	0,28
53	Bột kem béo thực vật (frappe)	Gram	Nhãn hiệu: luave	55,56
54	Bột sữa Indo	Gram	Nhãn hiệu: luave	83,33
55	Bột Trà xanh (matcha)	Gram	Nhãn hiệu: Đài loan	0,56
56	Bánh cookies	Cái	Nhân kem trắng	0,56
57	Kẹo marshmallow	Bịch	Màu sắc: đa dạng	0,056
58	Sô cô la chip	Gram	Hình dạng: hạt choco đen	2,78
59	Bột rau câu giòn (Agar)	Gram	Xuất xứ: Thái Lan	1,11
60	Bột rau câu dẻo (Jelly)	Gram	Xuất xứ: Việt Nam	2,22
61	Màu wilton	Hủ	Màu sắc: đỏ, xanh, tím	0,056
62	Gas làm kem	Viên	- Nhãn hiệu: isi - Xuất xứ: áo	0,167
63	Gas làm soda	Viên	- Nhãn hiệu: isi - Xuất xứ: áo	0,167
64	Sữa đặc	Hộp	- Nhãn hiệu: Ngôi sao - Dung tích: 1,284 Kg - Quy cách: hộp giấy	0,278
65	Sữa tươi thanh trùng	Lít	- Nhãn hiệu: Barista/Dalat - Dung tích: 1800 ml - Quy cách: bình nhựa	0,56
66	Sữa tươi tiệt trùng	Lít	- Nhãn hiệu: Vinamilk - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: hộp giấy	0,44
67	Kem béo thực vật (Cream)	Hộp	- Nhãn hiệu: rich - Dung tích: 454g - Xuất xứ: Việt Nam	0,167

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
68	Whipping Cream	Hộp	- Nhãn hiệu: rich - Dung tích: 907g - Xuất xứ: Việt Nam	0,167
69	Sữa chua	Hộp	- Nhãn hiệu: Vinamilk - Dung tích: 100 Gram - Qui cách: nguyên chất	0,83
70	Soda water	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,56
71	Nước ép đào	ml	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	55,55
72	Nước ép táo	ml	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	55,55
73	Nước ép nho	ml	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	55,55
74	Nước ép cam	ml	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	55,55
75	Nước ép thơm	ml	- Nhãn hiệu: Ceres - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	55,55
76	Nước cốt dừa hộp	Hộp	- Nhãn hiệu: Wonderfarm - Dung tích: 400 ml - Qui cách: đóng lon	0,06
77	Vải ngâm	Hộp	- Nhãn hiệu: Hosen - Dung tích: 565 Gram - Qui cách: đóng lon	0,06
78	Thanh Đào ngâm	Hộp	- Nhãn hiệu: Hosen - Dung tích: 820 Gram	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Qui cách: đóng lon	
79	Đường cát trắng	Kg	- Nhãn hiệu: Biên hoà - Qui cách: đóng bao	0,67
80	Đường nâu	Kg	- Xuất xứ: hàn quốc - Đường cát màu nâu - Qui cách: 1kg/ bịch	0,06
81	Muối tinh	Gram	- Nhãn hiệu: Table Salt - Qui cách: đóng bao - Xuất xứ: Thái Lan	1,67
82	Quế cây	Gram	Còn hạn sử dụng	2,78
83	Cherry đỏ	Hủ	- Nhãn hiệu: Hosen - Dung tích: 737 Gram	0,06
84	Dừa sấy khô	Gram	Màu tự nhiên, không có mùi hôi, mùi mốc hay vị lạ	2,78
85	Bơ đậu phộng	Gram	- Nhãn hiệu: golden farm - Dung tích: 170g	2,78
86	Phô mai con bò cười	Hộp	Dung tích: 112g	0,06
87	Lá hương thảo	Gram	Lá tươi và thơm	1,11
88	Bí đỏ	Kg	Kích cỡ: 2kg/trái	0,11
89	Táo xanh	Kg	Vỏ láng Kích cỡ: 5 trái/kg	0,11
90	Lựu	Kg	Ruột đỏ Kích cỡ: 3 trái/kg	0,167
91	Mận an phước	Kg	Trái tròn đều Kích cỡ: 12 trái/ kg	0,11
92	Cà chua	Kg	Tròn, vỏ láng Kích cỡ: 8 trái/ kg	0,11
93	Cóc	Kg	Vỏ xanh, láng	0,11
94	Khổ qua	Kg	Tươi	0,06
95	Ổi ruột đỏ	Kg	Giòn, ruột đỏ	0,11

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
96	Cà rốt	Kg	Vỏ láng đều	0,11
97	Bưởi	Kg	Kích thước: 1,6kg/trái	0,11
98	Nhãn tiêu	Kg	Hột nhỏ, cơm dày	0,08
99	Thanh long ruột trắng	Kg	Cuốn mềm, màu sáng nhẹ	0,08
100	Thanh long ruột đỏ	Kg	Cuốn mềm, màu sáng nhẹ	0,08
101	Đu đủ	Kg	Màu vàng, chín cây	0,08
102	Chanh dây	Kg	Kích cở: 18-20 trái/ kg	0,167
103	Sầu riêng	Kg	- Cơm vàng - Kích cỡ: 3 kg/trái	0,08
104	Bơ	Kg	Kích cỡ: 3 trái/kg	0,08
105	Mãng cầu gai	Kg	Chín, thẳng gai	0,06
106	Xoài cát	Kg	- Chín, thơm - Kích cỡ: 2 trái/ kg	0,22
107	Khoai môn cao	Kg	Dẻo, thơm	0,08
108	Trái dừa	Kg	- Cơm dừa mềm, dẻo - Nước dừa ngọt	0,22
109	Sapo	Kg	Chín	0,167
110	Chuối già	Kg	Chín vừa	0,167
111	Lá bạc hà	Kg	Lá lớn	0,06
112	Cần tây	Kg	Cọng lớn, lá tươi	0,06
113	Gừng	Kg	Củ non, việt nam	0,04
114	Sả Cây	Kg	Tươi, già không non	0,12
115	Dưa hấu	Kg	Kích cỡ: 3kg/ trái	0,22
116	Dưa leo	Kg	Vỏ láng	0,06
117	Chanh không hạt	Kg	- Vỏ láng - Kích cỡ: 10 - 12 trái/ kg	0,44
118	Chanh vàng	Kg	- Vỏ láng - Kích cỡ: 10 - 12 trái/ kg	0,06
119	Cam sành	Kg	- Vỏ láng, mỏng	0,22

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Kích cỡ: 4 trái/ kg	
120	Cam vàng	Kg	- Kích cỡ: 2 trái/ kg	0,08
121	Dâu tây	Kg	Dâu Việt Nam	0,39
122	Chanh giấy	Kg	- Vỏ láng - Kích cỡ: 15 - 20 trái/ kg	0,39
123	Thơm	Trái	Gọt sẳn vỏ	0,33
124	Tắc	Kg	Trái lớn	0,167
125	Hạt sen	Kg	Đã lấy tim sen	0,167
126	Kem vani (vanilla)	Hủ	- Nhãn hiệu: vinamilk - Dung tích:450ml	0,12
127	Kem dâu	Hủ	- Nhãn hiệu: vinamilk - Dung tích:450ml	0,08
128	Kem matcha	Hủ	- Nhãn hiệu: vinamilk - Dung tích:450ml	0,12
129	Kem sô cô la	Hủ	- Nhãn hiệu: vinamilk - Dung tích:450ml	0,12
130	Kem khoai môn	Hủ	- Nhãn hiệu: vinamilk - Dung tích:450ml	0,12
131	Củ năng	Kg	Gọt sẳn vỏ	0,167
132	Bắp luộc	Trái	Bắp mỹ, đều hạt	0,33
133	Lá dứa	Kg	Tươi	0,06
134	Cà phê	Kg	Dạng bột	0,06
135	Giáo trình pha chế và phục vụ thức uống không cồn	Cuốn	Giáo trình của trường ban hành	1
136	Bút lông viết bảng	Cây	Loại thông dụng, màu mực đậm	0,02

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Định mức phòng học lý thuyết	1,7	0,46	0,78
2	Định mức phòng/Xưởng thực hành	4	4,66	18,64

Bảng 3: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: PHA CHẾ VÀ PHỤC VỤ THỨC UỐNG CÓ CỒN

Tên nghề: **Nghiệp vụ Bar**

Tên mô đun: **Pha chế và phục vụ thức uống có cồn**

Mã mô đun: MĐ03

Trình độ đào tạo: Sơ cấp I

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**7,07**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,74	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	6,33	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,35**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
A	**THIẾT BỊ DẠY LÝ THUYẾT**		
1	Máy tính	Hệ điều hành window 10 trở lên. Office 2016 trở lên	0,74
2	Loa	Âm thanh rõ, nói nhẹ, không hú	0,74
3	Máy chiếu, màn chiếu	- Cường độ chiếu sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phông chiếu: ≥ (1800x1800) mm	0,74
4	Bảng trắng	- Bảng 60cm x 100cm - Có bánh xe di chuyển	0,74
5	Micro không dây	- Bắt âm tốt, không hú rít, không vỡ tiếng - Khoảng cách sử dụng: 50m - Tần số: 700 -770 kHz	0,74

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Độ méo tiếng: 0,5%	
B	**THIẾT BỊ DẠY THỰC HÀNH**		
1	Quầy bar pha chế	- Kích thước: theo diện tích phòng học - Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	6,33
2	Tủ đựng ly	- Kích thước: theo diện tích phòng học - Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	6,33
3	Ghế quầy bar	- Kích thước: W460 x D460 x H(750 - 970)mm - Ghế bar mặt nhựa hình đĩa	6,33
4	Máy làm đá viên	- Năng suất làm đá: 100kg/ngày - Tần số: 50 Hz - Điện áp: 220V - Công suất: 750W - Vỏ máy: inox	6,33
5	Máy làm đá bào	- Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 500W - Năng suất: 80kg/h - Tốc độ quay: 2200 vòng/phút	6,33
6	Máy làm đá vụn	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	6,33
7	Tủ lạnh	- Dung tích: 300 lít - Dòng điện: 220V/50Hz/1.5A	6,33
8	Máy xay sinh tố	- Nhãn hiệu: Hamilton - Dung tích: 1,8L - Công suất: 1000W - Điện áp: 220 -240V	6,33
9	Máy ép trái cây	- Nhãn hiệu: Philips - Dung tích: 1,5L - Công suất: 700W - Điện áp: 220 -240V	6,33

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
10	Máy vắt cam,chanh	- Công suất: 25W - Chất liệu vỏ: nhựa - Điện áp: 220V-240V	6,33
11	Bình xóc lắc (Standard shaker)	550 ml	6,33
12	Bình xóc lắc (Boston shaker)	- Body shaker: 28oz - Mixing glass	6,33
13	Bình xóc lắc (American shaker)	- Body shaker: 28oz - Mixing inox	6,33
14	Đồ đong - pony, jigger	- 15/30 ml - 30/45 ml -20/40ml - 30/60 ml	6,33
15	Ly đong nhựa	- 100 ml - 250 ml - 500 ml - 1000 ml	6,33
16	Vòi rót - Free pourer	Chất liệu: inox	6,33
17	Vòi rót - Speed pourer	Chất liệu nhựa, có bi lăn	6,33
18	Lược rượu - Bar strainer	Chất liệu: inox	6,33
19	Lược rượu (lược lưới)	Chất liệu: inox	6,33
20	Dao nhỏ	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	6,33
21	Dao lớn	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	6,33
22	Dao tỉa	- Kích cỡ: dài 15cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	6,33
23	Dao bào	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	6,33

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
24	Dụng cụ bào vỏ chanh	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	6,33
25	Thớt	- Kích cỡ: 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu: trắng	6,33
26	Gắp trang trí- garnish tongs	- Kích cỡ: 11 cm - Chất liệu: inox - Hình dáng: đầu tròn	6,33
27	Nhíp gắp trang trí	- Kích cỡ: 20 cm - Chất liệu: inox	6,33
28	Cây dằm pha chế	- Chất liệu: nhựa cứng - Kích thước: 21 cm	6,33
29	Xúc đá	-Chất liệu: inox - Kích thước: dài 25 cm	6,33
30	Mâm bê thức uống	- Loại tròn - 40cm - Loại chữ nhật 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: nâu	6,33
31	Kéo	Loại thông dụng trên thị trường	6,33
32	Cây khuấy dài - bar spoon	- Kích thước: 32 cm - Chất liệu: inox	6,33
33	Cây khuấy ngắn	- Kích thước: 12 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	6,33
34	Muỗng khuấy dài	- Kích thước: 22 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	6,33
35	Muỗng cà phê cán dài	- Kích thước: 18,5 x 2,6 cm - Chất liệu: inox	6,33

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
36	Muỗng súp	- Kích thước: 18 x 4 cm/ dày 1,5 mm - Chất liệu: inox	6,33
37	Muỗng súp	- Kích thước: 18 x 4 cm/ dày 1,5 mm - Chất liệu: inox	6,33
38	Ray lược lớn	- Đường kính: 20 cm - Chất liệu: inox	6,33
39	Bình đựng nước trái cây - juice containers	- Dung tích: 1L - Chất liệu: nhựa trắng	6,33
40	Hộp đựng trang trí	- 6 ngăn, có nắp đậy - Chất liệu nhựa - Màu: trắng,đen - Kích cỡ: 50 x 15 x 10 cm	6,33
41	Lót ly	- Hình dáng: tròn, vuông - Chất liệu: giấy, vải, nhựa	6,33
42	Ống hút thẳng	- Phi 6 - Phi 8 - Phi 12	6,33
43	Ống hút bẻ cong	Phi 6	6,33
44	Ống hút nghệ thuật	Phi 6	6,33
45	Cây trang trí - cocktail parasols	- Hình dáng: dù, trái cây - Màu sắc: đa dạng - Chất liệu: gỗ, giấy	6,33
46	Cây xiên trang trí - cocktail picks	- Hình dáng: đa dạng - Màu sắc: đa dạng - Chất liệu: nhựa, inox, tre	6,33
47	Khăn giấy	- Kích thước: 33 x 33 cm - Chất liệu: bột giấy nguyên chất - Màu sắc: trắng	6,33
48	Khăn lau ly	- Chất liệu: vải không xù lông, không bụi vải - Màu sắc: trắng - Kích thước: 45 x 45 cm	6,33

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
49	Khăn lau bàn	- Chất liệu: vải thấm hút tốt - Màu sắc: đa dạng	6,33
50	Cây rửa ly	- Chất liệu: mút xốp ,cán nhựa - Màu sắc: nhiều màu - Kích thước: 25 x 5 cm	6,33
51	Bọt biển rửa ly	- Kích thước: 10,7 x 6,7 x 3,5 cm - Màu sắc: xnah vàng	6,33
52	Cước nhôm chà rửa	Hình dáng: tròn, búi sợi	6,33
53	Tấm lót cao su pha chế	- Hình dáng: gai cao su nổi lên - Chất liệu : cao su - Kích thước : 60 cm x 30 cm, Dày: 0.9 cm	6,33
54	Phin pha cà phê	- Kích thước: 7cm - 9cm - Chất liệu: inox	6,33
55	Thau	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 32 x 12 cm	6,33
56	Rổ	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 30 x 10 cm	6,33
57	Chén	- Chất liệu: inox - Kích thước: đường kính 15 cm	6,33
58	Dĩa nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 12cm, 15 cm - Màu sắc: trắng	6,33
59	Dĩa	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 25 cm - Màu sắc: trắng	6,33
60	Tô nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 15 cm - Màu sắc: trắng	6,33
61	Tô lớn	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 20 cm - Màu sắc: trắng	6,33

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
62	Tách trà và dĩa lót	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	6,33
63	Tách cà phê & dĩa lót	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	6,33
64	Hủ đựng đồ (dao, muỗng, ống hút….)	- Chất liệu: sứ - Kích thước: cao 15 cm - Màu sắc: đa dạng	6,33
65	Bình đựng nước - Pitcher	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 1,3L - 2L	6,33
66	Carafe	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 250 ml/ 500 ml	6,33
67	Wine Decanter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Hình dáng: đa dạng - Dung tích: 1400 ml	6,33
68	Ly Shot	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 30 - 45 ml	6,33
69	Ly shooter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 60 - 90 ml	6,33
70	Ly Rocks	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 360 ml	6,33
71	Ly Highball	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 350 ml	6,33
72	Ly Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 400 ml	6,33
73	Ly Beer Mug	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 420 ml	6,33
74	Ly Mixing	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 500 - 700 ml	6,33
75	Ly Hurricane	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 450 ml	6,33
76	Ly Brandy Snifter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 300 - 450 ml	6,33

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
77	Ly Water Goblet	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 380 ml	6,33
78	Ly Irish Coffee	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 220 - 270 ml	6,33
79	Ly Footed Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 400 ml	6,33
80	Ly Absinthe	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 220 ml	6,33
81	Ly Champagne Saucer	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	6,33
82	Ly Champagne flute	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	6,33
83	Ly champagne tulip	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	6,33
84	Ly Margarita	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 210 - 240 ml	6,33
85	Ly cocktail	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 150 - 300 ml	6,33
86	Ly double cocktail	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 210 - 300 ml	6,33
87	Ly Poco Gramande	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 320 - 360 ml	6,33
88	Ly Martini	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 90 - 120 ml	6,33
89	Ly Liqueur	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 30 - 90 ml	6,33
90	Ly vang đỏ (Red wine)	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 300 ml	6,33
91	Ly vang trắng (White wine)	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 300 ml	6,33

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
92	Ly Port	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 60 - 90 ml	6,33

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Rượu White Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
2	Rượu Reposado Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
3	Rượu Gold Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,22
4	Rượu Anejo Tequila	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
5	Rượu Extra anejo Tequila	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
6	Rượu Neutral Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Smirnoff - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Nga	0,22
7	Rượu Flavored Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Absolut - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Citron	0,06
8	Rượu White Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Bacardi - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Cuba	0,22
9	Rượu Gold Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Bacardi - Dung tích: 750 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Xuất xứ: Cuba	
10	Rượu Dark Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Captain Morgan - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,11
11	Rượu Flavored Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Captain Morgan Spice Rum - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06
12	Rượu Rum - Cachaca	Chai	- Nhãn hiệu: Cachaca 51 - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Brazil	0,06
13	Rượu Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: St - Remy - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
14	Rượu Cognac	Chai	- Nhãn hiệu: Hennessy - VSOP - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
15	Rượu Armagnac	Chai	- Nhãn hiệu: Chapot - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
16	Rượu Blended Scotch Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Johnnie walker - Red Label - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06
17	Rượu Single Malt Scotch Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Glenfiddich - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
18	Rượu Bourbon	Chai	- Nhãn hiệu: Jim Beam - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
19	Rượu Tennessee	Chai	- Nhãn hiệu: Jack Daniel’s - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
20	Rượu Irish Whiskey	Chai	- Nhãn hiệu: Jameson - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ireland	0,06
21	Rượu Canadian Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Canadian Club - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Canada	0,06
22	Rượu London dry Gin	Chai	- Nhãn hiệu: Gordon’s - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Anh	0,06
23	Rượu Dry Gin	Chai	- Nhãn hiệu: Sông Cái - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
24	Rượu Aromatic bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Angostura - Dung tích: 200ml - Xuất xứ: Trinidad	0,06
25	Rượu Aromatic bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Angostura orange - Dung tích: 200ml - Xuất xứ: Trinidad	0,06
26	Rượu Bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Campari - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ý	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
27	Rượu Anise	Chai	- Nhãn hiệu: Pernod - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
28	Rượu Anise	Chai	- Nhãn hiệu: Ricard - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
29	Rượu Absinthe	Chai	- Nhãn hiệu: Pere Kermann’s - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
30	Rượu Bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Fernet Branca - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
31	Rượu Pimm's	Chai	- Nhãn hiệu: Pimm’s $N^0$1 - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Anh	0,06
32	Rượu Cointreau	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,22
33	Rượu Gramand Marnier	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
34	Rượu Blue Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
35	Rượu Triple Sec	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
36	Rượu Orange Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
37	Rượu Benedictine	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
38	Rượu Drambuie	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06
39	Rượu Galliano	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
40	Rượu Crème de menth - Grameen	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
41	Rượu Crème de menth - white	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
42	Rượu Chartreuse	Chai	- Dung tích: 700 ml - Màu: xanh, vàng - Xuất xứ: Pháp	0,06
43	Rượu Parfait Amour	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
44	Rượu Jagermeister	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Đức	0,06
45	Rượu Amaretto	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
46	Rượu Crème de cacao - white	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
47	Rượu Crème de cacao - brown	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
48	Rượu Kahlúa	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: mexico	0,17
49	Rượu Tia Maria	Chai	- Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06
50	Rượu Sambuca	Chai	- Nhãn hiệu: Vaccari - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
51	Rượu Apricot Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
52	Rượu Cherry Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
53	Rượu Peach Liqueur	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
54	Rượu Southern Comfort	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
55	Rượu Creme de Banana	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
56	Rượu Creme de Cassis	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
57	Rượu Midori	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Nhật	0,06
58	Rượu Malibu	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
59	Rượu Bailey's Irish Cream	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ireland	0,17
60	Rượu Amarula	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Nam phi	0,06
61	Rượu Sheridan's	Chai	- Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ireland	0,06
62	Rượu Mật Sim	Chai	- Nhãn hiệu: Bảy Gáo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
63	Rượu Sim chưng cất	Chai	- Nhãn hiệu: Sim Sơn - Dung tích: 600 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
64	Rượu Lúa mới	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
65	Rượu Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Hà Nội - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
66	Rượu Bầu đá	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
67	Rượu Rosso Vermouth	Chai	- Nhãn hiệu: Martini - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
68	Rượu Dry Vermouth	Chai	- Nhãn hiệu: Martini - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
69	Sữa đặc	Hộp	- Nhãn hiệu: Ngôi sao - Dung tích: 380 Gram - Quy cách: hộp giấy	0,06
70	Sữa tươi thanh trùng	Hộp	- Nhãn hiệu: Barista - Dung tích: 1800 ml - Qui cách: bình nhựa	0,06
71	Sữa tươi tiệt trùng	Hộp	- Nhãn hiệu: Vinamilk - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: hộp giấy	0,06
72	Sữa béo	Hộp	- Nhãn hiệu: Anchor - Dung tích: 250 ml - Xuất xứ: New Zealand	0,22
73	Sữa chua	Hộp	- Nhãn hiệu: Vinamilk - Dung tích: 100 Gram - Qui cách: nguyên chất	0,22
74	Nước khoáng thiên nhiên không gas	Chai	- Nhãn hiệu: Vĩnh Hảo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,11
75	Nước khoáng thiên nhiên có gas	Chai	- Nhãn hiệu: Vĩnh Hảo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,11

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
76	Nước tinh khiết	Chai	- Nhãn hiệu: Aquafina - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,11
77	Coca Cola	Lon	Dung tích: 330 ml	0,33
78	Pepsi	Lon	Dung tích: 330 ml	0,33
79	Twister	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
80	7 up	Lon	Dung tích: 330 ml	0,45
81	Nước nho Welch’s	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
82	Sting dâu	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
83	Redbull	Lon	Dung tích: 330 ml	0,33
84	Tonic	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,33
85	Bitter Lemon	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,11
86	Ginger Ale	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,11
87	Nước Soda (Soda water)	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,33
88	Nước Soda (Club Soda)	Lon	- Nhãn hiệu: Evervess - Dung tích: 330 ml	0,33
89	Nước ép đào	Hộp	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	0,06
90	Nước ép táo	Hộp	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	0,06
91	Nước ép nho	Hộp	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
92	Nước ép cam	Hộp	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	0,06
93	Nước ép cà chua	Hộp	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	0,06
94	Nước ép thơm	Hộp	- Nhãn hiệu: Ceres - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	0,06
95	Nước cốt dừa hộp	Hộp	- Nhãn hiệu: Wonderfarm - Dung tích: 400 ml - Qui cách: đóng lon	0,06
96	Nước vải	Hộp	- Nhãn hiệu: Hosen - Dung tích: 565 Gram - Qui cách: đóng lon	0,11
97	Thanh Đào ngâm	Hộp	- Nhãn hiệu: Hosen - Dung tích: 820 Gram - Qui cách: đóng lon	0,06
98	Nước cốt dâu tằm	Chai	- Dung tích: 500 ml - Qui cách: đóng chai	0,06
99	Mơ ngâm đường	Hộp	- Nhãn hiệu: Hồng Lam - tinh hoa quà việt - Dung tích: 2,4 kg - Qui cách: đóng hộp	0,06
100	Nước sấu ngâm đường	Hộp	- Nhãn hiệu: Hồng Lam - tinh hoa quà việt - Dung tích: 2,4 kg - Qui cách: đóng hộp	0,06
101	Chanh muối	Hộp	- Nhãn hiệu: Thanh Bình - Dung tích: 900 Gram	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Qui cách: đóng hộp	
102	Đường cát trắng	Kg	- Nhãn hiệu: Biên hoà - Qui cách: đóng bao	0,027
103	Đường viên	Hộp	- Nhãn hiệu: Charbrio - Qui cách: đóng hộp	0,06
104	Đường nâu	Kg	- Qui cách: hạt lớn	0,06
105	Muối tinh	Kg	- Nhãn hiệu: Table Salt - Qui cách: đóng bao - Xuất xứ: Thái Lan	0,06
106	Celery salt	Hộp	-	0,06
107	Tiêu	Kg	- Tiêu đen xay nhuyễn	0,06
108	Bột cacao nguyên chất	Kg	Còn hạn sử dụng, không mốc	0,06
109	Bột cacao hoà tan	Hộp	Milo	0,06
110	Bột Quế - Cinnamon	Hủ	Nhãn hiệu: McCorMick	0,06
111	Bột Hồi	Hủ	Nhãn hiệu: McCorMick	0,06
112	Bột Nutmeg (Nhục đậu khấu)	Hủ	Nhãn hiệu: McCorMick	0,06
113	Trứng gà	Qủa	Tươi, còn hạn sử dụng	0,55
114	Quế cây	Kg	Tươi, còn hạn sử dụng, không mốc	0,06
115	Đinh Hương	Kg	Tươi, còn hạn sử dụng, không mốc	0,06
116	Hoa hồi	Kg	Tươi, còn hạn sử dụng, không mốc	0,06
117	Cam sấy khô cắt lát (trang trí)	Kg	Tươi, còn hạn sử dụng, không mốc	0,06
118	Chanh sấy khô cắt lát (trang trí)	Kg	Tươi, còn hạn sử dụng, không mốc	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
119	Cherry đỏ	Hủ	- Nhãn hiệu: Hosen - Dung tích: 737 Gram	0,12
120	Olive xanh	Hủ	- Nhãn hiệu: Fragata - Dung tích: 440 Gram	0,06
121	Olive đen	Hủ	- Nhãn hiệu: Fragata - Dung tích: 440 Gram	0,06
122	Củ hành ngâm	Hủ	- Nhãn hiệu: Fragata - Dung tích: 345 Gram	0,06
123	Xốt Worsectershire	Chai	- Nhãn hiệu: Lea & perrins - Dung tích: 290 ml	0,06
124	Tương ớt	Chai	- Nhãn hiệu: Tabasco - Dung tích: 60 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
125	Trà English Breakfast	Hộp	- Nhãn hiệu: Dilmad - Qui cách: túi lọc	0,06
126	Trà Earl Gramey	Hộp	- Nhãn hiệu: Dilmad - Qui cách: túi lọc	0,06
127	Si rô Agave	Chai	- Nhãn hiệu: Natur Grameen - Dung tích: 250 ml	0,06
128	Si rô Lựu (Gramenadine)	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 750 ml	0,06
129	Si rô Đào	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
130	Si rô Vani (Vanilla)	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
131	Si rô Caramel	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
132	Si rô Hạt dẻ (Hazelnut)	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
133	Si rô Sô cô la	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
134	Si rô Blue Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
135	Si rô Cam	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
136	Si rô Dâu	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
137	Si rô Ổi	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
138	Si rô táo	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
139	Si rô chanh	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
140	Si rô xoài	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
141	Si rô quế	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
142	Si rô bạc hà - trắng	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
143	Si rô bạc hà - xanh	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
144	Si rô kiwi	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
145	Si rô Việt quất	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
146	Si rô chanh dây	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
147	Si rô nho	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
148	Si rô Phúc bồn tử	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
149	Sinh tố Phúc bồn tử	Chai	- Nhãn hiệu: Osterberg - Dung tích: 500 ml	0,06
150	Sinh tố Việt quất	Chai	- Nhãn hiệu: Osterberg - Dung tích: 500 ml	0,06
151	Lá bạc hà	Kg	Lá lớn	0,027
152	Cần tây	Kg	Cọng lớn, lá tươi	0,027
153	Gừng	Kg	Củ non, việt nam	0,027
154	Sả Cây	Kg	Tươi	0,027
155	Me chua	Kg	Tươi	0,027
156	Dưa leo	Kg	Tươi	0,06
157	Chanh không hạt	Kg	- Vỏ láng - Kích cỡ: 10 - 12 trái/ kg	0,44
158	Chanh vàng	Kg	- Vỏ láng - Kích cỡ: 10 - 12 trái/ kg	0,12
159	Cam sành	Kg	- Vỏ láng, mỏng - Kích cỡ: 6 trái/ kg	0,44
160	Cam vàng	Kg	Kích cỡ: 2 trái/ kg	0,12
161	Dâu tây	Kg	Dâu việt nam	0,12

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
162	Dừa xiêm	Trái	Đã gọt vỏ	0,44
163	Thơm	Trái	Chín vàng, còn nguyên vỏ, gai lá không bị gãy	0,44
164	Tắc	Kg	Trái lớn	0,06
165	Chanh dây	Kg	Kích cỡ: 15 trái/ kg	0,22
166	Giáo trình Pha chế và phục vụ thức uống có cồn	Cuốn	Giáo trình của trường ban hành	1
167	Bút lông viết bảng	Cây	Loại thông dụng, màu mực đậm	0.02

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Định mức phòng học lý thuyết	1,7	0,74	1,26
2	Định mức phòng/Xưởng thực hành	4	6,33	25,32

Phụ lục XCIV

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp đối với nghề: "Nghiệp vụ bar trưởng"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND)

A. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ **Tên nghề:** **Nghiệp vụ bar trưởng**

❖ **Trình độ đào tạo:** Sơ cấp I

❖ **Thời gian đào tạo:** 300 giờ *(Lý thuyết: 68 giờ; thực hành: 232 giờ)*

❖ **Đối tượng tuyển sinh:** Từ 18 tuổi trở lên, biết đọc biết viết, có sức khỏe phù hợp với nghề cần học.

❖ **Bằng cấp sau khi tốt nghiệp:** Chứng chỉ sơ cấp I

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- Mô tả được các quy trình nghiệp vụ cơ bản trong bộ phận pha chế.

- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ sử dụng tại quầy Bar.

- Mô tả được quy trình vận hành quầy Bar.

2. Về kỹ năng

- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị, dụng cụ quầy bar.

- Pha chế và phục vụ các loại đồ uống không cồn, có cồn theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và mỹ thuật.

- Phân loại được các loại thức uống không cồn và thức uống có cồn.

-Thực hiện được quy trình làm vệ sinh, bảo dưỡng các loại trang thiết bị, dụng cụ theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Vận hành quầy bar, quản lý cơ sở vật chất tại quầy bar và quy trình phục vụ đồ uống, quản lý doanh thu.

3. Thái độ

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp trong công việc.

- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, kỷ luật trong công việc.

- Cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác đúng khi thực hiện các kỹ năng.

- Có khả năng tự học tập, phát triển và chuyển đổi nghề nghiệp.

II. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

TT	Tên chương mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
MĐ01	Nghiệp vụ pha chế thức uống	74	30	44
MĐ02	Pha chế và phục vụ thức uống không cồn	73	4	69
MĐ03	Pha chế và phục vụ thức uống có cồn	73	4	69
MĐ04	Quản lý thức uống	30	15	15
MĐ05	Quản lý vận hành quầy Bar	50	15	35
TỔNG CỘNG		**300**	**68**	**232**

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT NGHỀ NGHIỆP VỤ BAR TRƯỞNG

Bảng 1: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

MÔ ĐUN: NGHIỆP VỤ PHA CHẾ THỨC UỐNG

Tên nghề: **Nghiệp vụ Bar trưởng**

Tên mô đun: **Nghiệp vụ pha chế thức uống**

Mã mô đun: MĐ01

Trình độ đào tạo: Sơ cấp I

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**3,30**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,86	

2	*Định mức giờ dạy thực hành*	2,44	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,16**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
A	**THIẾT BỊ DẠY LÝ THUYẾT**		
1	Máy tính	Hệ điều hành window 10 trở lên. Office 2016 trở lên	0,86
2	Loa	Âm thanh rõ, nói nhẹ, không hú	0,86
3	Máy chiếu, màn chiếu	- Cường độ chiếu sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phông chiếu: ≥ (1800x1800) mm	0,86
4	Bảng trắng	Bảng 60cm x 100cm Có bánh xe di chuyển	0,86
5	Micro không dây	Bắt âm tốt, không hú rít, không vỡ tiếng. Khoảng cách sử dụng: 50m Tần số: 700 -770 kHz Độ méo tiếng: 0,5%	0,86
B	**THIẾT BỊ DẠY THỰC HÀNH**		
1	Quầy bar pha chế	Kích thước: theo diện tích phòng học Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	2,44
2	Tủ đựng ly	Kích thước: theo diện tích phòng học Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	2,44
3	Ghế quầy bar	Kích thước: W460 x D460 x H(750 - 970)mm Ghế bar mặt nhựa hình đĩa	2,44
4	Máy làm đá viên	Năng suất làm đá: 100kg/ngày Tần số: 50 Hz Điện áp: 220V Công suất: 750W	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		Vỏ máy: inox	
5	Máy làm đá bào	Điện áp: 220V/50Hz Công suất: 500W Năng suất: 80kg/h Tốc độ quay: 2200 vòng/phút	2,44
6	Máy làm đá vụn	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	2,44
7	Tủ lạnh	- Dung tích: 300 lít - Dòng điện: 220V/50Hz/1.5A	2,44
8	Máy xay cà phê	Nhãn hiệu: M80 auto - Màu sắc: đen - Công suất:300W - Khối lượng:12kg - Xuất xứ: Ý	2,44
9	Máy cà phê espresso	-Nhãn hiệu: BFC Classic Eva -Màu sắc: Bạc - Trọng lượng:70kg - Công suất: 3700W - Xuất xứ: Ý	2,44
10	Máy xay sinh tố	- Nhãn hiệu: Hamilton - Dung tích: 1,8L - Công suất: 1000W - Điện áp: 220 -240V	2,44
11	Máy ép trái cây	- Nhãn hiệu: Philips - Dung tích: 1,5L - Công suất: 500W - Điện áp: 220 -240V	2,44
12	Máy vắt cam,chanh	- Công suất: 25W - Chất liệu vỏ: nhựa - Điện áp: 220V-240V	2,44
13	Bình xóc lắc (Standard shaker)	- 350 ml - 550 ml	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- 750 ml	
14	Bình xóc lắc (Boston shaker)	- Body shaker: 28oz - Mixing glass	2,44
15	Bình xóc lắc (American shaker)	- Body shaker: 28oz - Mixing inox	2,44
16	Đồ đong - pony, jigger	- 15/30 ml - 30/45 ml - 20/40 ml - 30/60 ml	2,44
17	Ly đong nhựa	- 100 ml - 250 ml - 500 ml - 1000 ml	2,44
18	Vòi rót - Free pourer	Chất liệu: inox	2,44
19	Vòi rót - Speed pourer	Chất liệu nhựa, có bi lăn	2,44
20	Lược rượu - Bar strainer	Chất liệu: inox	2,44
21	Lược rượu (lược lưới)	Chất liệu: inox	2,44
22	Dao nhỏ	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	2,44
23	Dao lớn	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	2,44
24	Dao tỉa	- Kích cỡ: dài 15cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	2,44
25	Dao bào	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	2,44
26	Dụng cụ bào vỏ chanh	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
27	Thớt	- Kích cỡ: 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu: trắng	2,44
28	Gắp trang trí-garnish tongs	- Kích cỡ: 11 cm - Chất liệu: inox - Hình dáng: đầu tròn	2,44
29	Nhíp gắp trang trí	- Kích cỡ: 20 cm - chất liệu: inox	2,44
30	Cây dằm pha chế	- Chất liệu: nhựa cứng - Kích thước: 21 cm	2,44
31	Dụng cụ viền miệng ly-Bar rimmer	- Chất liệu: nhựa - Màu sắc: đen	2,44
32	Xúc đá	Chất liệu: inox Kích thước: dài 25 cm	2,44
33	Xô ướp lạnh rượu vang	- Chất liệu: inox - Đường kính: 22 cm - Chiều cao: 25 cm - Thể tích: 6L - Chân xô: 80cm	2,44
34	Nắp đóng chai rượu vang - wine stopper	Chất liệu: inox	2,44
35	Nắp đóng chai rượu champagne-champagne stopper	Chất liệu: inox	2,44
36	Đồ khui rượu vang	- Chất liệu inox/ thép - Kích thước: 15 cm	2,44
37	Đồ khui bia	- Chất liệu: inox - Kích thước: 15 cm	2,44
38	Nắp gài giữ chai úp ngược	- Chất liệu: nhựa - Màu sắc: tuỳ chọn	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
39	Mâm bê thức uống	- Loại tròn - 40cm - Loại chữ nhật 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: nâu	2,44
40	Cây khuấy dài - bar spoon	- Kích thước: 32 cm - Chất liệu: inox	2,44
41	Cây khuấy ngắn	- Kích thước: 12 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	2,44
42	Muỗng khuấy dài	- Kích thước: 22 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	2,44
43	Muỗng cà phê cán dài	- Kích thước: 18,5 x 2,6 cm - Chất liệu: inox	2,44
44	Muỗng súp	- Kích thước: 18 x 4 cm/ dày 1,5 mm - Chất liệu: inox	2,44
45	Ray lược lớn	- Đường kính: 20 cm - Chất liệu: inox	2,44
46	Bình đựng nước trái cây - juice containers	- Dung tích: 1L - Chất liệu: nhựa trắng	2,44
47	Hộp đựng trang trí	- 6 ngăn, có nắp đậy - Chất liệu nhựa - Màu: trắng,đen - Kích cỡ: 50 x 15 x 10 cm	2,44
48	Lót ly	- Hình dáng: tròn, vuông - Chất liệu: giấy, vải, nhựa	2,44
49	Ống hút thẳng	Phi 8	2,44
50	Ống hút bẻ cong	Phi 6	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
51	Ống hút nghệ thuật	Phi 6	2,44
52	Cây trang trí - cocktail parasols	- Hình dáng: dù, trái cây - Màu sắc: đa dạng - Chất liệu: gỗ, giấy	2,44
53	Cây xiên trang trí - cocktail picks	- Hình dáng: đa dạng - Màu sắc: đa dạng - Chất liệu: nhựa, inox, tre	2,44
54	Khăn giấy	- Kích thước: 33 x 33 cm - Chất liệu: bột giấy nguyên chất - Màu sắc: trắng	2,44
55	Khăn lau ly	- Chất liệu: vải không xù lông, không bụi vải - Màu sắc: trắng - Kích thước: 45 x 45 cm	2,44
56	Khăn lau bàn	- Chất liệu: vải thấm hút tốt - Màu sắc: đa dạng	2,44
57	Cây rửa ly	- Chất liệu: mút xốp ,cán nhựa - Màu sắc: nhiều màu - Kích thước: 25 x 5 cm	2,44
58	Bọt biển rửa ly	- Kích thước: 10,7 x 6,7 x 3,5 cm - Màu sắc: xnah vàng	2,44
59	Cước nhôm chà rửa	Hình dáng: tròn, búi sợi	2,44
60	Tấm lót cao su pha chế	- Hình dáng: gai cao su nổi lên - Chất liệu : cao su - Kích thước : 60 cm x 30 cm, Dày: 0.9 cm	2,44
61	Cây đánh bọt cà phê	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: đa dạng	2,44
62	Phin pha cà phê	- Kích thước: 7cm - 9cm - Chất liệu: inox	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
63	Nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ nước	- Phạm vi nhiệt độ: -50 độ-300 độ (-58 - 572 độ F) - Thời gian phản ứng: 5 giây - Pin: pin đồng xu (1 * LR44) - Độ phân giải: 0,1 độ C / 0,1 độ F - Màu sắc: Trắng - Chất liệu: ABS - Kích thước: 10x6x3cm	2,44
64	Thau	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 32 x 12 cm	2,44
65	Rổ	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 30 x 10 cm	2,44
66	Chén	- Chất liệu: inox - Kích thước: đường kính 15 cm	2,44
67	Chén	- Chất liệu: inox - Kích thước: đường kính 15 cm	2,44
68	Dĩa nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 12cm, 15 cm - Màu sắc: trắng	2,44
69	Dĩa	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 25 cm - Màu sắc: trắng	2,44
70	Tô nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 15 cm - Màu sắc: trắng	2,44
71	Tô lớn	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 20 cm - Màu sắc: trắng	2,44
72	Tách trà và dĩa lót	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	2,44
73	Tách cà phê & dĩa lót	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
74	Hủ đựng đồ (dao, muỗng, ống hút….)	- Chất liệu: sứ - Kích thước: cao 15 cm - Màu sắc: đa dạng	2,44
75	Bình đựng nước – Pitcher	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 1,3L - 2L	2,44
76	Bình đựng nước - Carafe	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 250 ml/ 500 ml	2,44
77	Bình chiết rượu vang (Wine Decanter)	- Chất liệu: thuỷ tinh - Hình dáng: đa dạng - Dung tích: 1400 ml	2,44
78	Ly Shot	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 30 - 45 ml	2,44
79	Ly shooter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 60 - 90 ml	2,44
80	Ly Rocks	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 360 ml	2,44
81	Ly Highball	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 350 ml	2,44
82	Ly Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 400 ml	2,44
83	Ly Beer Mug	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 420 ml	2,44
84	Ly Mixing	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 500 - 700 ml	2,44
85	Ly Hurricane	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 450 ml	2,44
86	Ly Brandy Snifter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 300 - 450 ml	2,44
87	Ly Water Goblet	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 380 ml	2,44

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
88	Ly Irish Coffee	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 220 - 270 ml	2,44
89	Ly Footed Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 400 ml	2,44
90	Ly Absinthe	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 220 ml	2,44
91	Ly Champagne saucer	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	2,44
92	Ly Champagne flute	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	2,44
93	Ly champagne tulip	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	2,44
94	Ly Margarita	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 210 - 240 ml	2,44
95	Ly cocktail	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 150 - 300 ml	2,44
96	Ly double cocktail	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 210 - 300 ml	2,44
97	Ly Poco Gramande	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 320 - 360 ml	2,44
98	Ly Martini	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 90 - 120 ml	2,44
99	Ly Liqueur	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 30 - 90 ml	2,44
100	Ly vang đỏ	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 300 ml	2,44
101	Ly vang trắng	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 300 ml	2,44
102	Ly Port	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 60 - 90 ml	2,44

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Rượu White Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
2	Rượu Reposado Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
3	Rượu Gold Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
4	Rượu Anejo Tequila	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
5	Rượu Extra anejo Tequila	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
6	Rượu Neutral Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Smirnoff - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Nga	0,06
7	Rượu Flavored Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Absolut - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Citron	0,06
8	Rượu White Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Bacardi - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Cuba	0,06
9	Rượu Gold Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Bacardi - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Cuba	0,06
10	Rượu Dark Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Captain Morgan - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
11	Rượu Flavored Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Captain Morgan Spice Rum - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06
12	Rượu Rum - Cachaca	Chai	- Nhãn hiệu: Cachaca 51 - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Brazil	0,06
13	Rượu Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: St - Remy - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
14	Rượu Cognac	Chai	- Nhãn hiệu: Hennessy - VSOP - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
15	Rượu Armagnac	Chai	- Nhãn hiệu: Chapot - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
16	Rượu Blended Scotch Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Johnnie walker - Red Label - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06
17	Rượu Single Malt Scotch Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Glenfiddich - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06
18	Rượu Bourbon	Chai	- Nhãn hiệu: Jim Beam - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
19	Rượu Tennessee	Chai	- Nhãn hiệu: Jack Daniel’s - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
20	Rượu Irish Whiskey	Chai	- Nhãn hiệu: Jameson - Dung tích: 750 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Xuất xứ: Ireland	
21	Rượu Canadian Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Canadian Club - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Canada	0,06
22	Rượu London dry Gin	Chai	- Nhãn hiệu: Gordon’s - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Anh	0,06
23	Rượu Dry Gin	Chai	- Nhãn hiệu: Sông Cái - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
24	Rượu Aromatic bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Angostura - Dung tích: 200ml - Xuất xứ: Trinidad	0,06
25	Rượu Aromatic bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Angostura - Dung tích: 200ml - Xuất xứ: Trinidad	0,06
26	Rượu Bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Campari - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
27	Rượu Anise	Chai	- Nhãn hiệu: Pernod - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
28	Rượu Anise	Chai	- Nhãn hiệu: Ricard - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
29	Rượu Absinthe	Chai	- Nhãn hiệu: Pere Kermann’s - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
30	Rượu Bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Fernet Branca - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
31	Rượu Pimm's	Chai	- Nhãn hiệu: Pimm’s $N^0$1 - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Anh	0,06
32	Rượu Cointreau	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
33	Rượu Gramand Marnier	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
34	Rượu Blue Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
35	Rượu Triple Sec	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
36	Rượu Orange Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
37	Rượu Benedictine	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
38	Rượu Drambuie	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06
39	Rượu Galliano	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
40	Rượu Crème de menth - Grameen	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
41	Rượu Crème de menth - white	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Xuất xứ: Pháp	
42	Rượu Chartreuse	Chai	- Dung tích: 700 ml - Màu: xanh, vàng - Xuất xứ: Pháp	0,06
43	Rượu Parfait Amour	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
44	Rượu Jagermeister	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Đức	0,06
45	Rượu Amaretto	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
46	Rượu Crème de cacao - white	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
47	Rượu Crème de cacao - brown	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
48	Rượu Kahlúa	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: mexico	0,17
49	Rượu Tia Maria	Chai	- Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06
50	Rượu Sambuca	Chai	- Nhãn hiệu: Vaccari - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
51	Rượu Apricot Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
52	Rượu Cherry Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
53	Rượu Peach Liqueur	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
54	Rượu Southern Comfort	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
55	Rượu Creme de Banana	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
56	Rượu Creme de Cassis	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
57	Rượu Midori	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Nhật	0,06
58	Rượu Malibu	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
59	Rượu Bailey's Irish Cream	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ireland	0,17
60	Rượu Amarula	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Nam phi	0,06
61	Rượu Sheridan's	Chai	- Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ireland	0,06
62	Rượu Mật Sim	Chai	- Nhãn hiệu: Bảy Gáo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
63	Rượu Sim chưng cất	Chai	- Nhãn hiệu: Sim Sơn - Dung tích: 600 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
64	Rượu Lúa mới	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
65	Rượu Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Hà Nội - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
66	Rượu Bầu đá	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
67	Rượu Rosso Vermouth	Chai	- Nhãn hiệu: Martini - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
68	Rượu Dry Vermouth	Chai	- Nhãn hiệu: Martini - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
69	Rượu Sparkling wine	Chai	- Nhãn hiệu: Moscato - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
70	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Incio Cabernet Sauvignon - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Chile	0,06
71	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Gowers Gate Shiraz - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Úc	0,06
72	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Bordeaux 1697 Fontana - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
73	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Manu Pinot Noir - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: New Zealand	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
74	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Santa Chilena Merlot - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Chile	0,06
75	Rượu White wine 1697 Sauvignon Blanc	Chai	- Nhãn hiệu: 1697 Sauvignon Blanc - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: New Zealand	0,06
76	Rượu White wine	Chai	- Nhãn hiệu: Chilena Sauvignon Blanc - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Chile	0,06
77	Bia Heineken	Lon	- Dung tích: 330 ml - Xuất xứ: Hà Lan	0,12
78	Bia Tiger bạc	Lon	- Dung tích: 330 ml - Xuất xứ: Singapore	0,12
79	Bia Budweiser	Lon	- Dung tích: 330 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,12
80	Bia Guinness	Lon	- Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Ireland	0,12
81	Bia Tequila	Lon	- Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Pháp	0,12
82	Bia Corona	Chai	- Dung tích: 330 ml - Xuất xứ: Mexico	0,12
83	Bia Sài Gòn	Lon	- Dung tích: 330 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,12
84	Trái cây lên men Strongbow	Chai	- Dung tích: 330 ml - Mùi: Red Berries	0,12
85	Trái cây lên men Strongbow	Chai	- Dung tích: 330 ml - Mùi: Gold Apple	0,12

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
86	Bia không cồn	Lon	- Nhãn hiệu: Heineken - Dung tích: 330 ml - Xuất xứ: Hà Lan	0,12
87	Nước khoáng thiên nhiên không gas	Chai	- Nhãn hiệu: Vĩnh Hảo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,11
88	Nước khoáng thiên nhiên có gas	Chai	- Nhãn hiệu: Vĩnh Hảo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,11
89	Nước tinh khiết	Chai	- Nhãn hiệu: Aquafina - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,11
90	Coca Cola	Lon	Dung tích: 330 ml	0,33
91	Coca Zero	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
92	Pepsi	Lon	Dung tích: 330 ml	0,33
93	Twister	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
94	7 up	Lon	Dung tích: 330 ml	0,45
95	Nước nho Welch’s	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
96	Sting dâu	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
97	Redbull	Lon	Dung tích: 330 ml	0,33
98	Tonic	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,33
99	Bitter Lemon	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,11
100	Ginger Ale	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,11
101	Nước soda (Soda water)	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,33
102	Nước soda (Club Soda)	Lon	- Nhãn hiệu: Evervess	0,33

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Dung tích: 330 ml	
103	Giáo trình nghiệp vụ pha chế thức uống	Cuốn	Giáo trình của trường ban hành	1
104	Bút lông viết bảng	Cây	Loại thông dụng, màu mực đậm	0,02

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Định mức phòng học lý thuyết	1,7	0,86	1,46
2	Định mức phòng/Xưởng thực hành	4	2,44	9,76

Bảng 2: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: PHA CHẾ VÀ PHỤC VỤ THỨC UỐNG KHÔNG CỒN

Tên nghề: **Nghiệp vụ Bar trưởng**

Tên mô đun: **Pha chế và phục vụ thức uống không cồn**

Mã mô đun: MĐ02

Trình độ đào tạo: Sơ cấp I

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**3,94**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,11	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	3,83	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,2**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
A	**THIẾT BỊ DẠY LÝ THUYẾT**		
1	Máy tính	Hệ điều hành window 10 trở lên. Office 2016 trở lên	0,11
2	Loa	Âm thanh rõ, nói nhẹ, không hú	0,11
3	Máy chiếu, màn chiếu	- Cường độ chiếu sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phông chiếu: ≥ (1800x1800) mm	0,11
4	Bảng trắng	Bảng 60cm x 100cm Có bánh xe di chuyển	0,11
5	Micro không dây	Bắt âm tốt, không hú rít, không vỡ tiếng. Khoảng cách sử dụng: 50m Tần số: 700 -770 kHz	0,11

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		Độ méo tiếng: 0,5%	
B	**THIẾT BỊ DẠY THỰC HÀNH**		
1	Quầy bar pha chế	- Kích thước: theo diện tích phòng học - Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	3,83
2	Tủ đựng ly	- Kích thước: theo diện tích phòng học - Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	3,83
3	Ghế quầy bar	- Kích thước: W460 x D460 x H(750 - 970)mm - Ghế bar mặt nhựa hình đĩa	3,83
4	Máy làm đá viên	- Năng suất làm đá: 100kg/ngày - Tần số: 50 Hz - Điện áp: 220V - Công suất: 750W - Vỏ máy: inox	3,83
5	Tủ mát	- Dung tích: 700 lít - Dòng điện: 220V/50Hz/1.5A	3,83
6	Tủ mát	- Dung tích: 106 lít - Dòng điện: 220V/50Hz/1.5A - Kiểu dáng tủ: 1 ngăn đông, 1 ngắn mát	3,83
7	Máy xay cà phê	- Nhãn hiệu: M80 auto - Màu sắc: đen - Công suất:300W - Khối lượng:12kg - Xuất xứ: Ý	3,83
8	Máy cà phê espresso	-Nhãn hiệu: BFC Classic Eva -Màu sắc: Bạc - Trọng lượng:70kg	3,83
9	Máy xay sinh tố	- Nhãn hiệu: Vitamix - Dung tích: 2 Lít - Công suất: 1200W - Điện áp: 220 -240V	3,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
10	Máy ép trái cây	- Nhãn hiệu: Philips - Dung tích: 1,5L - Công suất: 700W - Điện áp: 220 -240V	3,83
11	Máy ép chậm	- Nhãn hiệu: Panasonic - Ống tiếp nguyên liệu: 35 mm - Công suất: 150 W - Điện áp: 220 -240V	3,83
12	Máy vắt cam,chanh	- Công suất: 25W - Chất liệu vỏ: nhựa - Điện áp: 220V-240V	3,83
13	Bình xóc lắc (Standard shaker)	550 ml	3,83
14	Vá múc canh	Kích thước : 22cm/29cm	3,83
15	Vá lỗ	Kích thước : 22cm/29cm	3,83
16	Ca inox có nắp	Dung tích: 2 Lít	3,83
17	Ca đánh sữa inox	Dung tích: 600ml	3,83
18	Ly đong nhựa	- 100 ml - 250 ml	3,83
19	Dụng cụ múc trái cây viên tròn	Chất liệu: inox	3,83
20	Muỗng múc kem	Chất liệu: inox	3,83
21	Đồ khui hộp	Chất liệu: inox	3,83
22	Vợt hủ tiếu	Chất liệu: inox	3,83
23	Dao nhỏ	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	3,83
24	Dao lớn	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	3,83
25	Dao bào	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	3,83
26	Thớt	- Kích cỡ: 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa	3,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Màu: trắng	
27	Gắp trang trí- garnish tongs	- Kích cỡ: 11 cm - chất liệu: inox - Hình dáng: đầu tròn	3,83
28	Nhíp gắp trang trí	- Kích cỡ: 20 cm - chất liệu: inox	3,83
29	Cây dằm pha chế	- Chất liệu: nhựa cứng - Kích thước: 21 cm	3,83
30	Xúc đá	- Chất liệu: inox - Kích thước: dài 25 cm	3,83
31	Kéo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	3,83
32	Cây khuấy dài - bar spoon	- Kích thước: 32 cm - Chất liệu: inox	3,83
33	Cây khuấy ngắn	- Kích thước: 12 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	3,83
34	Muỗng khuấy dài	- Kích thước: 22 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	3,83
35	Muỗng cà phê cán dài	- Kích thước: 18,5 x 2,6 cm - Chất liệu: inox	3,83
36	Muỗng cà phê cán ngắn	- Kích thước: 12 x 2,4 cm - Chất liệu: inox	3,83
37	Ray lược lớn	- Đường kính: 20 cm - Chất liệu: inox	3,83
38	Hộp đựng trang trí	- 6 ngăn, có nắp đậy - Chất liệu nhựa - Màu: trắng,đen - Kích cỡ: 50 x 15 x 10 cm	3,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
39	Ống hút thẳng	- Phi 6 - Phi 8 - Phi 12	3,83
40	Ống hút bẻ cong	Phi 6	3,83
41	Ống hút nghệ thuật	Phi 6	3,83
42	Cây xiên trang trí	- Hình dáng: đa dạng - Màu sắc: đa dạng - Chất liệu: nhựa, inox, tre	3,83
43	Khăn lau ly	- Chất liệu: vải không xù lông, không bụi vải - Màu sắc: trắng - Kích thước: 45 x 45 cm	3,83
44	Khăn lau bàn	- Chất liệu: vải thấm hút tốt - Màu sắc: đa dạng	3,83
45	Cây rửa ly	- Chất liệu: mút xốp ,cán nhựa - Màu sắc: nhiều màu - Kích thước: 25 x 5 cm	3,83
46	Bọt biển rửa ly	- Kích thước: 10,7 x 6,7 x 3,5 cm - Màu sắc: xnah vàng	3,83
47	Cước nhôm chà rửa	- Hình dáng: tròn, búi sợi	3,83
48	Tấm lót cao su pha chế	- Hình dáng: gai cao su nổi lên - Chất liệu : cao su - Kích thước : 60 cm x 30 cm, Dày: 0.9 cm	3,83
49	Cây đánh bọt cà phê	- kích thước: 30 cm - Chất liệu: nhựa - màu sắc: đa dạng	3,83
50	Phin pha cà phê	- Kích thước: 7cm - 9cm - Chất liệu: inox	3,83
51	Nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ nước	- Phạm vi nhiệt độ: -50 độ-300 độ (-58 - 572 độ F) - Thời gian phản ứng: 5 giây	3,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Pin: pin đồng xu (1 * LR44) - Độ phân giải: 0,1 độ C / 0,1 độ F - Màu sắc: Trắng - Chất liệu: ABS - Kích thước: 10x6x3cm	
52	Thau	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 32 x 12 cm - Kích cỡ :32 x 40 cm	3,83
53	Rổ	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 30 x 10 cm	3,83
54	Nồi ủ trân châu	Chất liệu: inox	3,83
55	Chén nhỏ	- Chất liệu: inox - Kích thước: đường kính 15 cm	3,83
56	Dĩa nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 12cm, 15 cm - Màu sắc: trắng	3,83
57	Tô thủy tinh nhỏ	- Chất liệu: thủy tinh - Kích thước: đường kính 15 cm	3,83
58	Tô thủy tinh lớn	- Chất liệu: thủy tinh - Kích thước: đường kính 30 cm	3,83
59	Tách cà phê & dĩa lót	- Chất liệu: sành sứ - Tách: dung tích 250 ml - Kích thước dĩa lót: đường kính 16 cm	3,83
60	Bếp gas mini	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	3,83
61	Gas mini	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	3,83
62	Bình làm kem	- Chất liệu: thép không rỉ - Nhãn hiệu: isi - Xuất xứ: mỹ-áo - Dung tích: 0,5 Lít /1 Lít	3,83
63	Bình làm soda	- Chất liệu: thép không rỉ	3,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Nhãn hiệu: isi - Xuất xứ: áo - Dung tích: 1 Lít	
64	Hủ đựng đồ (dao, muỗng, ống hút….)	- Chất liệu: sứ - Kích thước: cao 15 cm - Màu sắc: đa dạng	3,83
65	Bình rót thủy tinh (Jug)	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 1,3L - 2L	3,83
66	Ly Rocks	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 360 ml	3,83
67	Ly Highball	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 350 ml	3,83
68	Ly Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 400 ml	3,83
69	Ly Beer Mug	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 420 ml	3,83
70	Ly Mixing	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 500 - 700 ml	3,83
71	Ly Hurricane	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 450 ml	3,83
72	Ly Water Goblet	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 380 ml	3,83
73	Ly Irish Coffee	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 220 - 270 ml	3,83
74	Ly Footed Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 400 ml	3,83
75	Ly Poco Gramande	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 320 - 360 ml	3,83
76	Mâm bê thức uống	- Loại tròn - 40cm - Loại chữ nhật 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: nâu	3,83

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Si rô Đào (Peach)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
2	Si rô Dâu (Strawberry)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
3	Si rô Táo xanh (Grameen Apple)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
4	Si rô Kiwi	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
5	Si rô Vải (Lychee)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
6	Si rô Dưa (Melon)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
7	Syrup Matcha	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
8	Si rô Lá dứa (Pandan)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
9	Si rô Sả (LemonGramass)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
10	Syrup Tiramisu	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
11	Si rô hạt dẻ (Hazelnut)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
12	Si rô Vani (Vanilla)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
13	Si rô Sô cô la Cookie	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
14	Si rô Bạc hà xanh (Menthe Verte)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
15	Si rô Hoa hồng (Rose)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
16	Si rô chanh (Lemon)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
17	Si rô Blue Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
18	Si rô Xoài (Mangue)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
19	Si rô ổi (Guave)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
20	Si rô Dưa hấu (Watermelon)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
21	Si rô dừa (Coconut)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Xuất xứ: pháp	
22	Si rô lựu (Gramenadine)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
23	Si rô Cherry	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
24	Si rô Hoa cơm cháy (Elder Flower)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
25	Si rô Dưa leo (Concombre)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
26	Si rô Cam đỏ (Orange Sanguine)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
27	Si rô Việt quất (Blueberry)	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
28	Si rô Mojito	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: pháp	0,06
29	Si rô đào	Chai	- Nhãn hiệu: nana - Dung tích: 600 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
30	Si rô chanh dây (Passion)	Chai	- Nhãn hiệu: nana - Dung tích: 600 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
31	Sauce đào	Chai	- Nhãn hiệu: osterberg - Dung tích: 1 lít - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
32	Sauce việt quốc	Chai	- Nhãn hiệu: osterberg	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Dung tích: 1 lít - Xuất xứ: Việt Nam	
33	Sauce phúc bồn tử	Chai	- Nhãn hiệu: osterberg - Dung tích: 1 lít - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
34	Sauce chanh dây	Chai	- Nhãn hiệu: osterberg - Dung tích: 1 lít - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
35	Sauce dâu	Chai	- Nhãn hiệu: osterberg - Dung tích: 1 lít - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
36	Sauce ổi	Chai	- Nhãn hiệu: golden farm - Dung tích: 800 ml - Xuất xứ: Việt nam	0,06
37	Sauce xoài	Chai	- Nhãn hiệu: golden farm - Dung tích: 800 ml - Xuất xứ: Việt nam	0,06
38	Sauce kiwi	Chai	- Nhãn hiệu: golden farm - Dung tích: 800 ml - Xuất xứ: Việt nam	0,06
39	Sauce dâu	Chai	- Nhãn hiệu: golden farm - Dung tích: 800 ml - Xuất xứ: Việt nam	0,06
40	Sauce chocolate	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 1,8 lít - Xuất xứ: pháp	0,06
41	Sauce caramel	Chai	- Nhãn hiệu: monin - Dung tích: 1,8 lít - Xuất xứ: pháp	0,06
42	Trà đào	Gram	Nhãn hiệu: cozy	2,22
43	Trà dâu	Gram	Nhãn hiệu: cozy	2,22
44	Hồng trà	Gram	Nhãn hiệu: cozy	2,22

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
45	Trà vải	Gram	Nhãn hiệu: cozy	2,22
46	Trà phúc bồn tử	Gram	Nhãn hiệu: dilmah	2,22
47	Trà bá tước	Gram	Nhãn hiệu: dilmah	2,22
48	Trà hoa Bụp Giấm (Hibiscus)	Gram	Nhãn hiệu cozy	2,22
49	Lục trà lài	Gram	Nhãn hiệu: Wao	3,88
50	Trà đen	Gram	Nhãn hiệu: King	3,88
51	Trà oolong	Gram	Nhãn hiệu: phúc long	2,22
52	Muối ăn	Gram	Nhãn hiệu: eurodeli	0,16
53	Bột kem béo thực vật (frappe)	Gram	Nhãn hiệu: luave	38,89
54	Bột sữa Indo	Gram	Nhãn hiệu: luave	55,56
55	Bột matcha	Gram	Nhãn hiệu: Đài loan	0,38
56	Bánh cookies	Cái	Nhân kem trắng	0,38
57	Kẹo marshmallow	Bịch	Màu sắc: đa dạng	0,06
58	Chocolate chip	Gram	Hình dạng: hạt choco đen	2,22
59	Agar	Gram	Xuất xứ: Thái lan	0,83
60	Jelly	Gram	Xuất xứ: Việt Nam	1,67
61	Màu wilton	Hủ	Màu sắc: đỏ, xanh, tím	0,06
62	Gas làm kem	Viên	- Nhãn hiệu: isi - Xuất xứ: áo	0,11
63	Gas làm soda	Viên	- Nhãn hiệu: isi - Xuất xứ: áo	0,11
64	Sữa đặc	Hộp	- Nhãn hiệu: Ngôi sao - Dung tích: 380 Gram / 1,284 Kg - Quy cách: hộp giấy	0,22
65	Sữa tươi thanh trùng	Lít	- Nhãn hiệu: Barista/Dalat - Dung tích: 1800 ml - Quy cách: bình nhựa	0,39

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
66	Sữa tươi tiệt trùng	Lít	- Nhãn hiệu: Vinamilk - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: hộp giấy	0,33
67	Kem béo thực vật (Cream)	Hộp	- Nhãn hiệu: rich - Dung tích: 454g - Xuất xứ: Việt Nam	0,11
68	Whipping Cream	Hộp	- Nhãn hiệu: rich - Dung tích: 907g - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
69	Sữa chua	Hộp	- Nhãn hiệu: Vinamilk - Dung tích: 100 Gram - Qui cách: nguyên chất	0.56
70	Nước Soda (Soda water)	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,39
71	Nước ép đào	ml	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	27,78
72	Nước ép táo	ml	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	27,78
73	Nước ép nho	ml	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	27,78
74	Nước ép cam	ml	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	27,78
75	Nước ép thơm	ml	- Nhãn hiệu: Ceres - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	27,78
76	Nước cốt dừa hộp	Hộp	- Nhãn hiệu: Wonderfarm - Dung tích: 400 ml - Qui cách: đóng lon	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
77	Vải ngâm	Hộp	- Nhãn hiệu: Hosen - Dung tích: 565 Gram - Qui cách: đóng lon	0,06
78	Thanh Đào ngâm	Hộp	- Nhãn hiệu: Hosen - Dung tích: 820 Gram - Qui cách: đóng lon	0,06
79	Đường cát trắng	Kg	- Nhãn hiệu: Biên hoà - Qui cách: đóng bao	0,55
80	Đường nâu	Kg	- Xuất xứ: hàn quốc - Đường cát màu nâu - Qui cách: 1kg/ bịch	0,06
81	Muối tinh	Gram	- Nhãn hiệu: Table Salt - Qui cách: đóng bao - Xuất xứ: Thái Lan	1,11
82	Quế cây	Gram	-	2,22
83	Cherry đỏ	Hủ	- Nhãn hiệu: Hosen - Dung tích: 737 Gram	0,06
84	Dừa sấy khô	Gram	Dừa sấy màu nâu	2,22
85	Bơ đậu phộng	Gram	- Nhãn hiệu: golden farm - Dung tích: 170g	2,22
86	Phô mai con bò cười	Hộp	Dung tích: 112g	0,06
87	Lá hương thảo	Gram	Lá tươi và thơm	0,83
88	Bí đỏ	Kg	Kích cỡ: 2kg/trái	0,06
89	Táo xanh	Kg	- Vỏ láng - Kích cỡ: 5 trái/kg	0,06
90	Lựu	Kg	- Ruột đỏ - Kích cỡ: 3 trái/kg	0,11
91	Mận an phước	Kg	- Trái tròn đều - Kích cỡ: 12 trái/ kg	0,06
92	Cà chua	Kg	- Tròn, vỏ láng - Kích cỡ: 8 trái/ kg	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
93	Cóc	Kg	Vỏ xanh, láng	0,06
94	Khổ qua	Kg	Tươi	0,03
95	Ổi ruột đỏ	Kg	Giòn, ruột đỏ	0,06
96	Cà rốt	Kg	Vỏ láng đều	0,06
97	Bưởi	Kg	Kích thước: 1,6kg/trái	0,08
98	Nhãn tiêu	Kg	Hột nhỏ, cơm dày	0,06
99	Thanh long ruột trắng	Kg	Cuốn mềm, màu sáng nhẹ	0,06
100	Thanh long ruột đỏ	Kg	Cuốn mềm, màu sáng nhẹ	0,06
101	Đu đủ	Kg	Màu vàng, chín cây	0,06
102	Chanh dây	Kg	Kích cở: 18-20 trái/ kg	0,11
103	Sầu riêng	Kg	- Cơm vàng - Kích cỡ: 3 kg/trái	0,06
104	Bơ	Kg	Kích cở: 3 trái/kg	0,06
105	Mãng cầu gai	Kg	Chín, thẳng gai	0,06
106	Xoài cát	Kg	- Chín, thơm - Kích cỡ: 2 trái/ kg	0,17
107	Khoai môn cao	Kg	Dẻo, thơm	0,06
108	Trái dừa	Kg	- Cơm dừa mềm, dẻo - Nước dừa ngọt	0,17
109	Sapo	Kg	Chín	0,11
110	Chuối già	Kg	Chín vừa	0,11
111	Lá bạc hà	Kg	Lá lớn	0,03
112	Cần tây	Kg	Cọng lớn, lá tươi	0,03
113	Gừng	Kg	Củ non, việt nam	0,02
114	Sả Cây	Kg	Tươi, già không non	0,06
115	Dưa hấu	Kg	Kích cở: 3kg/ trái	0,17
116	Dưa leo	Kg	Vỏ láng	0,03
117	Chanh không hạt	Kg	- Vỏ láng - Kích cỡ: 10 - 12 trái/ kg	0,28

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
118	Chanh vàng	Kg	- Vỏ láng - Kích cỡ: 10 - 12 trái/ kg	0,03
119	Cam sành	Kg	- Vỏ láng, mỏng - Kích cỡ: 4 trái/ kg	0,17
120	Cam vàng	Kg	Kích cỡ: 2 trái/ kg	0,06
121	Dâu tây	Kg	Dâu việt nam	0,28
122	Chanh giấy	Kg	- Vỏ láng - Kích cỡ: 15 - 20 trái/ kg	0,28
123	Thơm	Trái	Gọt sẳn vỏ	0,22
124	Tắc	Kg	Trái lớn	0,11
125	Hạt sen	Kg	Đã lấy tim sen	0,11
126	Kem Vani (vanilla)	Hủ	- Nhãn hiệu: vinamilk - Dung tích:450ml	0,06
127	Kem dâu	Hủ	- Nhãn hiệu: vinamilk - Dung tích:450ml	0,06
128	Kem matcha	Hủ	- Nhãn hiệu: vinamilk - Dung tích:450ml	0.,06
129	Kem chocolate	Hủ	- Nhãn hiệu: vinamilk - Dung tích:450ml	0,06
130	Kem khoai môn	Hủ	- Nhãn hiệu: vinamilk - Dung tích:450ml	0,06
131	Củ năng	Kg	Gọt sẳn vỏ	0,11
132	Bắp luộc	Trái	Bắp mỹ	0,22
133	Lá dứa	Kg	Tươi, còn hạn sử dụng	0,028
134	Giáo trình pha chế và phục vụ thức uống không cồn	Cuốn	Giáo trình của trường ban hành	1
135	Bút lông viết bảng	Cây	Loại thông dụng, màu mực đậm	0,02

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Định mức phòng học lý thuyết	1,7	0,11	0,18
2	Định mức phòng/Xưởng thực hành	4	3,83	15,32

Bảng 3: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: PHA CHẾ VÀ PHỤC VỤ THỨC UỐNG CÓ CỒN

Tên nghề: **Nghiệp vụ Bar trưởng**

Tên mô đun: **Pha chế và phục vụ thức uống có cồn**

Mã mô đun: MĐ03

Trình độ đào tạo: Sơ cấp I

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**3,94**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,11	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	3,83	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,2**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
A	**THIẾT BỊ DẠY LÝ THUYẾT**		
1	Máy tính	Hệ điều hành window 10 trở lên. Office 2016 trở lên	0,11
2	Loa	Âm thanh rõ, nói nhẹ, không hú	0,11
3	Máy chiếu, màn chiếu	- Cường độ chiếu sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phông chiếu: ≥ (1800x1800) mm	0,11
4	Bảng trắng	Bảng 60cm x 100cm Có bánh xe di chuyển	0,11
5	Micro không dây	- Bắt âm tốt, không hú rít, không vỡ tiếng. - Khoảng cách sử dụng: 50m - Tần số: 700 -770 kHz	0,11

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- Độ méo tiếng: 0,5%	
B	**THIẾT BỊ DẠY THỰC HÀNH**		
1	Quầy bar pha chế	- Kích thước: theo diện tích phòng học - Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	3,83
2	Tủ đựng ly	- Kích thước: theo diện tích phòng học - Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	3,83
3	Ghế quầy bar	- Kích thước: W460 x D460 x H(750 - 970)mm - Ghế bar mặt nhựa hình đĩa	3,83
4	Máy làm đá viên	- Năng suất làm đá: 100kg/ngày - Tần số: 50 Hz - Điện áp: 220V - Công suất: 750W - Vỏ máy: inox	3,83
5	Máy làm đá bào	- Điện áp: 220V/50Hz - Công suất: 500W - Năng suất: 80kg/h - Tốc độ quay: 2200 vòng/phút	3,83
6	Máy làm đá vụn	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	3,83
7	Tủ lạnh	- Dung tích: 300 lít - Dòng điện: 220V/50Hz/1.5A	3,83
8	Máy ép trái cây	- Nhãn hiệu: Philips - Dung tích: 1,5L - Công suất: 500W - Điện áp: 220 -240V	3,83
9	Máy vắt cam,chanh	- Công suất: 25W - Chất liệu vỏ: nhựa - Điện áp: 220V-240V	3,83
10	Bình xóc lắc (Standard shaker)	- 350 ml - 550 ml	3,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		- 750 ml	
11	Bình xóc lắc (Boston shaker)	- Body shaker: 28oz - Mixing glass	3,83
12	Bình xóc lắc (American shaker)	- Body shaker: 28oz - Mixing inox	3,83
13	Đồ đong - pony, jigger	- 15/30 ml - 30/45 ml - 20/40 ml - 30/60 ml	3,83
14	Ly đong nhựa	- 100 ml - 250 ml - 500 ml - 1000 ml	3,83
15	Vòi rót - Free pourer	Chất liệu: inox	3,83
16	Vòi rót - Speed pourer	Chất liệu nhựa, có bi lăn	3,83
17	Lược rượu - Bar strainer	Chất liệu: inox	3,83
18	Lược rượu (lược lưới)	Chất liệu: inox	3,83
19	Dao nhỏ	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	3,83
20	Dao lớn	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	3,83
21	Dao tỉa	- Kích cỡ: dài 15cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	3,83
22	Dao bào	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	3,83
23	Dụng cụ bào vỏ chanh	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	3,83
24	Thớt	- Kích cỡ: 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu: trắng	3,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
25	Gắp trang trí- garnish tongs	- Kích cỡ: 11 cm - chất liệu: inox - Hình dáng: đầu tròn	3,83
26	Nhíp gắp trang trí	- Kích cỡ: 20 cm - Chất liệu: inox	3,83
27	Cây dằm pha chế	- Chất liệu: nhựa cứng - Kích thước: 21 cm	3,83
28	Dụng cụ viền miệng ly-Bar rimmer	- Chất liệu: nhựa - Màu sắc: đen	3,83
29	Xúc đá	-Chất liệu: inox - Kích thước: dài 25 cm	3,83
30	Xô ướp lạnh rượu vang	- Chất liệu: inox - Đường kính: 22 cm - Chiều cao: 25 cm - Thể tích: 6L - Chân xô: 80cm	3,83
31	Nắp đóng chai rượu vang - wine stopper	Chất liệu: inox	3,83
32	Nắp đóng chai rượu champagne-champagne stopper	Chất liệu: inox	3,83
33	Đồ khui rượu vang	- Chất liệu inox/ thép - Kích thước: 15 cm	3,83
34	Đồ khui bia	- Chất liệu: inox - Kích thước: 15 cm	3,83
35	Nắp gài giữ chai úp ngược	- Chất liệu: nhựa - Màu sắc: tuỳ chọn	3,83
36	Mâm bê thức uống	- Loại tròn - 40cm - Loại chữ nhật 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: nâu	3,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
37	Cây khuấy dài - bar spoon	- Kích thước: 32 cm - Chất liệu: inox	3,83
38	Cây khuấy ngắn	- Kích thước: 12 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	3,83
39	Muỗng khuấy dài	- Kích thước: 22 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	3,83
40	Muỗng cà phê cán dài	- Kích thước: 18,5 x 2,6 cm - Chất liệu: inox	3,83
41	Ray lược lớn	- Đường kính: 20 cm - Chất liệu: inox	3,83
42	Bình đựng nước trái cây - juice containers	- Dung tích: 1L - Chất liệu: nhựa trắng	3,83
43	Hộp đựng trang trí	- 6 ngăn, có nắp đậy - Chất liệu nhựa - Màu: trắng,đen - Kích cỡ: 50 x 15 x 10 cm	3,83
44	Lót ly	- Hình dáng: tròn, vuông - Chất liệu: giấy, vải, nhựa	3,83
45	Ống hút thẳng	Phi 8	3,83
46	Ống hút bẻ cong	Phi 6	3,83
47	Ống hút nghệ thuật	Phi 6	3,83
48	Cây trang trí - cocktail parasols	- Hình dáng: dù, trái cây - Màu sắc: đa dạng - Chất liệu: gỗ, giấy	3,83
49	Cây xiên trang trí - cocktail picks	- Hình dáng: đa dạng - Màu sắc: đa dạng - Chất liệu: nhựa, inox, tre	3,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
50	Khăn giấy	- Kích thước: 33 x 33 cm - Chất liệu: bột giấy nguyên chất - Màu sắc: trắng	3,83
51	Khăn lau ly	- Chất liệu: vải không xù lông, không bụi vải - Màu sắc: trắng - Kích thước: 45 x 45 cm	3,83
52	Khăn lau bàn	- Chất liệu: vải thấm hút tốt - Màu sắc: đa dạng	3,83
53	Cây rửa ly	- Chất liệu: mút xốp ,cán nhựa - Màu sắc: nhiều màu - Kích thước: 25 x 5 cm	3,83
54	Bọt biển rửa ly	- Kích thước: 10,7 x 6,7 x 3,5 cm - Màu sắc: xanh vàng	3,83
55	Cước nhôm chà rửa	Hình dáng: tròn, búi sợi	3,83
56	Tấm lót cao su pha chế	- Hình dáng: gai cao su nổi lên - Chất liệu : cao su - Kích thước : 60 cm x 30 cm, Dày: 0.9 cm - Màu sắc: Đen	3,83
57	Nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ nước	- Phạm vi nhiệt độ: -50 độ-300 độ (-58 - 572 độ F) - Thời gian phản ứng: 5 giây - Pin: pin đồng xu (1 * LR44) - Độ phân giải: 0,1 độ C / 0,1 độ F - Màu sắc: Trắng - Chất liệu: ABS - Kích thước: 10x6x3cm	3,83
58	Thau	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 32 x 12 cm	3,83
59	Rổ	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 30 x 10 cm	3,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
60	Dĩa nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 12cm, 15 cm - Màu sắc: trắng	3,83
61	Dĩa	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 25 cm - Màu sắc: trắng	3,83
62	Tô nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 15 cm - Màu sắc: trắng	3,83
63	Tô lớn	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 20 cm - Màu sắc: trắng	3,83
64	Hủ đựng đồ (dao, muỗng, ống hút….)	- Chất liệu: sứ - Kích thước: cao 15 cm - Màu sắc: đa dạng	3,83
65	Bình đựng nước – Pitcher	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 1,3L - 2L	3,83
66	Bình đựng nước - Carafe	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 250 ml/ 500 ml	3,83
67	Bình chiết rượu vang - Wine Decanter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Hình dáng: đa dạng - Dung tích: 1400 ml	3,83
68	Ly Shot	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 30 - 45 ml	3,83
69	Ly shooter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 60 - 90 ml	3,83
70	Ly Rocks	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 360 ml	3,83
71	Ly Highball	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 350 ml	3,83
72	Ly Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 400 ml	3,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
73	Ly Beer Mug	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 420 ml	3,83
74	Ly Mixing	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 500 - 700 ml	3,83
75	Ly Hurricane	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 450 ml	3,83
76	Ly Brandy Snifter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 300 - 450 ml	3,83
77	Ly Water Goblet	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 380 ml	3,83
78	Ly Irish Coffee	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 220 - 270 ml	3,83
79	Ly Footed Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 400 ml	3,83
80	Ly Absinthe	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 220 ml	3,83
81	Ly Champagne saucer	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	3,83
82	Ly Champagne flute	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	3,83
83	Ly champagne tulip	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	3,83
84	Ly Margarita	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 210 - 240 ml	3,83
85	Ly cocktail	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 150 - 300 ml	3,83
86	Ly double cocktail	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 210 - 300 ml	3,83
87	Ly Poco Gramande	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 320 - 360 ml	3,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
88	Ly Martini	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 90 - 120 ml	3,83
89	Ly Liqueur	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 30 - 90 ml	3,83
90	Ly vang đỏ	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 300 ml	3,83
91	Ly vang trắng	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 300 ml	3,83
92	Ly Port	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 60 - 90 ml	3,83

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Rượu White Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
2	Rượu Reposado Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
3	Rượu Gold Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,11
4	Rượu Anejo Tequila	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
5	Rượu Extra anejo Tequila	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
6	Rượu Neutral Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Smirnoff - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Nga	0,11

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
7	Rượu Flavored Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Absolut - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Citron	0,06
8	Rượu White Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Bacardi - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Cuba	0,11
9	Rượu Gold Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Bacardi - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Cuba	0,06
10	Rượu Dark Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Captain Morgan - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06
11	Rượu Flavored Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Captain Morgan Spice Rum - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06
12	Rượu Rum - Cachaca	Chai	- Nhãn hiệu: Cachaca 51 - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Brazil	0,06
13	Rượu Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: St - Remy - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
14	Rượu Cognac	Chai	- Nhãn hiệu: Hennessy - VSOP - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
15	Rượu Armagnac	Chai	- Nhãn hiệu: Chapot - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
16	Rượu Blended Scotch Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Johnnie walker - Red Label - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
17	Rượu Single Malt Scotch Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Glenfiddich - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06
18	Rượu Bourbon	Chai	- Nhãn hiệu: Jim Beam - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
19	Rượu Tennessee	Chai	- Nhãn hiệu: Jack Daniel’s - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
20	Rượu Irish Whiskey	Chai	- Nhãn hiệu: Jameson - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ireland	0,06
21	Rượu Canadian Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Canadian Club - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Canada	0,06
22	Rượu London dry Gin	Chai	- Nhãn hiệu: Gordon’s - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Anh	0,06
23	Rượu Dry Gin	Chai	- Nhãn hiệu: Sông Cái - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
24	Rượu Aromatic bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Angostura - Dung tích: 200ml - Xuất xứ: Trinidad	0,06
25	Rượu Aromatic bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Angostura - Dung tích: 200ml - Xuất xứ: Trinidad	0,06
26	Rượu Bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Campari - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ý	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
27	Rượu Anise	Chai	- Nhãn hiệu: Pernod - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
28	Rượu Anise	Chai	- Nhãn hiệu: Ricard - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
29	Rượu Absinthe	Chai	- Nhãn hiệu: Pere Kermann’s - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
30	Rượu Bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Fernet Branca - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
31	Rượu Pimm's	Chai	- Nhãn hiệu: Pimm’s $N^0$1 - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Anh	0,06
32	Rượu Cointreau	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,11
33	Rượu Gramand Marnier	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
34	Rượu Blue Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
35	Rượu Triple Sec	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
36	Rượu Orange Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
37	Rượu Benedictine	Chai	- Dung tích: 750 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Xuất xứ: Pháp	
38	Rượu Drambuie	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06
39	Rượu Galliano	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
40	Rượu Crème de menth - Grameen	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
41	Rượu Crème de menth - white	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
42	Rượu Chartreuse	Chai	- Dung tích: 700 ml - Màu: xanh, vàng - Xuất xứ: Pháp	0,06
43	Rượu Parfait Amour	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
44	Rượu Jagermeister	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Đức	0,06
45	Rượu Amaretto	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
46	Rượu Crème de cacao - white	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
47	Rượu Crème de cacao - brown	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	
48	Rượu Kahlúa	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: mexico	0,11
49	Rượu Tia Maria	Chai	- Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06
50	Rượu Sambuca	Chai	- Nhãn hiệu: Vaccari - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
51	Rượu Apricot Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
52	Rượu Cherry Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
53	Rượu Peach Liqueur	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
54	Rượu Southern Comfort	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
55	Rượu Creme de Banana	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
56	Rượu Creme de Cassis	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
57	Rượu Midori	Chai	- Dung tích: 700 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Xuất xứ: Nhật	
58	Rượu Malibu	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
59	Rượu Bailey's Irish Cream	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ireland	0,11
60	Rượu Amarula	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Nam phi	0,06
61	Rượu Sheridan's	Chai	- Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ireland	0,06
62	Rượu Mật Sim	Chai	- Nhãn hiệu: Bảy Gáo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
63	Rượu Sim chưng cất	Chai	- Nhãn hiệu: Sim Sơn - Dung tích: 600 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
64	Rượu Lúa mới	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
65	Rượu Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Hà Nội - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
66	Rượu Bầu đá	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
67	Rượu Rosso Vermouth	Chai	- Nhãn hiệu: Martini - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
68	Rượu Dry Vermouth	Chai	- Nhãn hiệu: Martini - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
69	Sữa đặc	Hộp	- Nhãn hiệu: Ngôi sao - Dung tích: 380 Gram / 1,284 Kg	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Quy cách: hộp giấy	
70	Sữa tươi thanh trùng	Hộp	- Nhãn hiệu: Barista - Dung tích: 1800 ml - Qui cách: bình nhựa	0,06
71	Sữa tươi tiệt trùng	Hộp	- Nhãn hiệu: Vinamilk - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: hộp giấy	0,06
72	Sữa béo	Hộp	- Nhãn hiệu: Anchor - Dung tích: 250 ml - Xuất xứ: New Zealand	0,11
73	Sữa chua	Hộp	- Nhãn hiệu: Vinamilk - Dung tích: 100 Gram - Qui cách: nguyên chất	0,11
74	Nước khoáng thiên nhiên không gas	Chai	- Nhãn hiệu: Vĩnh Hảo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
75	Nước khoáng thiên nhiên có gas	Chai	- Nhãn hiệu: Vĩnh Hảo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
76	Nước tinh khiết	Chai	- Nhãn hiệu: Aquafina - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
77	Coca Cola	Lon	Dung tích: 330 ml	0,22
78	Pepsi	Lon	Dung tích: 330 ml	0,22
79	Twister	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
80	7 up	Lon	Dung tích: 330 ml	0,22
81	Nước nho Welch’s	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
82	Sting dâu	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
83	Redbull	Lon	Dung tích: 330 ml	0,11
84	Tonic	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,16

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
85	Bitter Lemon	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,11
86	Ginger Ale	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,11
87	Nước Soda (Soda water)	Lon	- Nhãn hiệu: Schwepper - Dung tích: 330 ml	0,16
88	Nước Soda (Club Soda)	Lon	- Nhãn hiệu: Evervess - Dung tích: 330 ml	0,16
89	Nước ép đào	Hộp	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	0,06
90	Nước ép táo	Hộp	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	0,06
91	Nước ép nho	Hộp	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	0,06
92	Nước ép cam	Hộp	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	0,06
93	Nước ép cà chua	Hộp	- Nhãn hiệu: Vfresh - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	0,06
94	Nước ép thơm	Hộp	- Nhãn hiệu: Ceres - Dung tích: 1000 ml - Qui cách: đóng hộp	0,06
95	Nước cốt dừa hộp	Hộp	- Nhãn hiệu: Wonderfarm - Dung tích: 400 ml - Qui cách: đóng lon	0,06
96	Nước vải	Hộp	- Nhãn hiệu: Hosen - Dung tích: 565 Gram	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Qui cách: đóng lon	
97	Thanh Đào ngâm	Hộp	- Nhãn hiệu: Hosen - Dung tích: 820 Gram - Qui cách: đóng lon	0,06
98	Nước cốt dâu tằm	Chai	- Dung tích: 500 ml - Qui cách: đóng chai	0,06
99	Mơ ngâm đường	Hộp	- Nhãn hiệu: Hồng Lam - tinh hoa quà việt - Dung tích: 2,4 kg - Qui cách: đóng hộp	0,06
100	Nước sấu ngâm đường	Hộp	- Nhãn hiệu: Hồng Lam - tinh hoa quà việt - Dung tích: 2,4 kg - Qui cách: đóng hộp	0,06
101	Chanh muối	Hộp	- Nhãn hiệu: Thanh Bình - Dung tích: 900 Gram - Qui cách: đóng hộp	0,06
102	Đường cát trắng	Kg	- Nhãn hiệu: Biên hoà - Qui cách: đóng bao	0,06
103	Đường viên	Hộp	- Nhãn hiệu: Charbrio - Qui cách: đóng hộp	0,06
104	Đường nâu	Kg	Qui cách: hạt lớn	0,06
105	Muối tinh	Kg	- Nhãn hiệu: Table Salt - Qui cách: đóng bao - Xuất xứ: Thái Lan	0,06
106	Celery salt	Hộp	-	0,06
107	Tiêu	Kg	Tiêu đen xay nhuyễn	0,06
108	Bột cacao nguyên chất	Kg	-	0,06
109	Bột cacao hoà tan	Hộp	Milo	0,06
110	Bột Quế - Cinnamon	Hủ	Nhãn hiệu: McCorMick	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
111	Bột Hồi	Hủ	Nhãn hiệu: McCorMick	0,06
112	Bột Nhục đậu khấu (Nutmeg)	Hủ	Nhãn hiệu: McCorMick	0,06
113	Cà phê hạt	Kg	Loại thông dụng, còn hạn sử dụng	0,06
114	Trứng gà	Qủa	Loại thông dụng, còn hạn sử dụng	0,27
115	Quế cây	Kg	Loại thông dụng, còn hạn sử dụng	0,06
116	Đinh Hương	Kg	Loại thông dụng, còn hạn sử dụng	0,06
117	Hoa hồi	Kg	Loại thông dụng, còn hạn sử dụng	0,06
118	Cam sấy khô cắt lát (trang trí)	Kg	Loại thông dụng, còn hạn sử dụng	0,06
119	Chanh sấy khô cắt lát (trang trí)	Kg	Loại thông dụng, còn hạn sử dụng	0,06
120	Cherry đỏ	Hủ	- Nhãn hiệu: Hosen - Dung tích: 737 Gram	0,06
121	Olive xanh	Hủ	- Nhãn hiệu: Fragata - Dung tích: 440 Gram	0,06
122	Olive đen	Hủ	- Nhãn hiệu: Fragata - Dung tích: 440 Gram	0,06
123	Củ hành ngâm	Hủ	- Nhãn hiệu: Fragata - Dung tích: 345 Gram	0,06
124	Xốt Worsectershire	Chai	- Nhãn hiệu: Lea & perrins - Dung tích: 290 ml	0,06
125	Tương ớt	Chai	- Nhãn hiệu: Tabasco - Dung tích: 60 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
			- Xuất xứ: Mỹ	
126	Trà English Breakfast	Hộp	- Nhãn hiệu: Dilmad - Qui cách: túi lọc	0,06
127	Trà Earl Gramey	Hộp	- Nhãn hiệu: Dilmad - Qui cách: túi lọc	0,06
128	Syrup Agave	Chai	- Nhãn hiệu: Natur Grameen - Dung tích: 250 ml	0,06
129	Syrup Lựu (Gramenadine)	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 750 ml	0,06
130	Syrup Đào	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
131	Syrup Vani (Vanilla)	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
132	Syrup Caramel	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
133	Syrup Hạt dẻ (Hazelnut)	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
134	Syrup Sô cô la	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
135	Syrup Blue Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
136	Syrup Cam	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
137	Syrup Dâu	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
138	Syrup Ổi	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
139	Syrup táo	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
140	Syrup chanh	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
141	Syrup xoài	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
142	Syrup quế	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
143	Syrup bạc hà - trắng	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
144	Syrup bạc hà - xanh	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
145	Syrup kiwi	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
146	Syrup Việt quất	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
147	Syrup chanh dây	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
148	Syrup nho	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
149	Syrup Phúc bồn tử	Chai	- Nhãn hiệu: Monin - Dung tích: 700 ml	0,06
150	Sinh tố Phúc bồn tử	Chai	- Nhãn hiệu: Osterberg - Dung tích: 500 ml	0,06
151	Sinh tố Việt quất	Chai	- Nhãn hiệu: Osterberg - Dung tích: 500 ml	0,06
152	Lá bạc hà	Kg	Lá lớn	0,027

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
153	Cần tây	Kg	Cọng lớn, lá tươi	0,027
154	Gừng	Kg	Củ non, việt nam	0,027
155	Sả Cây	Kg	Tươi	0,027
156	Me chua	Kg	Tươi	0,027
157	Dưa leo	Kg	Tươi	0,06
158	Chanh không hạt	Kg	- Vỏ láng - Kích cỡ: 10 - 12 trái/ kg	0,22
159	Chanh vàng	Kg	- Vỏ láng - Kích cỡ: 10 - 12 trái/ kg	0,06
160	Cam sành	Kg	- Vỏ láng, mỏng - Kích cỡ: 6 trái/ kg	0,22
161	Cam vàng	Kg	Kích cỡ: 2 trái/ kg	0,06
162	Dâu tây	Kg	Dâu Việt Nam	0,06
163	Dừa xiêm	Trái	Đã gọt vỏ	0,22
164	Thơm	Trái	Chín vàng, còn nguyên vỏ, gai lá không bị gãy	0,22
165	Tắc	Kg	Trái lớn	0,027
166	Chanh dây	Kg	Kích cỡ: 15 trái/ kg	0,11
167	Giáo trình Pha chế và phục vụ thức uống có cồn	Cuốn	Giáo trình của trường ban hành	1
168	Bút lông viết bảng	Cây	Loại thông dụng, màu mực đậm	0.02
169	Rượu Sparkling wine	Chai	- Nhãn hiệu: Moscato - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
170	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Incio Cabernet Sauvignon - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Chile	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
171	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Gowers Gate Shiraz - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Úc	0,06
172	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Bordeaux 1697 Fontana - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
173	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Manu Pinot Noir - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: New Zealand	0,06
174	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Santa Chilena Merlot - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Chile	0,06
175	Rượu White wine 1697 Sauvignon Blanc	Chai	- Nhãn hiệu: 1697 Sauvignon Blanc - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: New Zealand	0,06
176	Rượu White wine	Chai	- Nhãn hiệu: Chilena Sauvignon Blanc - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Chile	0,06

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Định mức phòng học lý thuyết	1,7	0,11	0,18
2	Định mức phòng/Xưởng thực hành	4	3,83	15,32

Bảng 4: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: QUẢN LÝ THỨC UỐNG

Tên nghề: **Nghiệp vụ Bar trưởng**

Tên mô đun: **Quản lý thức uống**

Mã mô đun: MĐ04

Trình độ đào tạo: Sơ cấp I

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**1,26**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	0,83	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,06**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
A	**THIẾT BỊ DẠY LÝ THUYẾT**		
1	Máy tính	Hệ điều hành window 10 trở lên. Office 2016 trở lên	0,43
2	Loa	Âm thanh rõ, nói nhẹ, không hú	0,43
3	Máy chiếu, màn chiếu	- Cường độ chiếu sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phông chiếu: ≥ (1800x1800) mm	0,43
4	Bảng trắng	Bảng 60cm x 100cm Có bánh xe di chuyển	0,43
5	Micro không dây	Bắt âm tốt, không hú rít, không vỡ tiếng. Khoảng cách sử dụng: 50m	0,43

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		Tần số: 700 -770 kHz Độ méo tiếng: 0,5%	
B	**THIẾT BỊ DẠY THỰC HÀNH**		
1	Quầy bar pha chế	Kích thước: theo diện tích phòng học Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	0,83
2	Tủ đựng ly	Kích thước: theo diện tích phòng học Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	0,83
3	Ghế quầy bar	Kích thước: W460 x D460 x H(750 - 970)mm Ghế bar mặt nhựa hình đĩa	0,83
4	Máy làm đá viên	Năng suất làm đá: 100kg/ngày Tần số: 50 Hz Điện áp: 220V Công suất: 750W Vỏ máy: inox	0,83
5	Máy làm đá bào	Điện áp: 220V/50Hz Công suất: 500W Năng suất: 80kg/h Tốc độ quay: 2200 vòng/phút	0,83
6	Máy làm đá vụn	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	0,83
7	Tủ lạnh	- Dung tích: 300 lít Dòng điện: 220V/50Hz/1.5A	0,83
8	Máy xay cà phê	Nhãn hiệu: M80 auto - Màu sắc: đen - Công suất:300W - Khối lượng:12kg - Xuất xứ: Ý	0,83
9	Máy cà phê espresso	-Nhãn hiệu: BFC Classic Eva -Màu sắc: Bạc - Trọng lượng:70kg	0,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
10	Máy xay sinh tố	- Nhãn hiệu: Hamilton - Dung tích: 1,8L - Công suất: 1000W - Điện áp: 220 -240V	0,83
11	Máy ép trái cây	- Nhãn hiệu: Philips - Dung tích: 1,5L - Công suất: 500W - Điện áp: 220 -240V	0,83
12	Máy vắt cam,chanh	- Công suất: 25W - Chất liệu vỏ: nhựa - Điện áp: 220V-240V	0,83
13	Bình xóc lắc (Standard shaker)	- 350 ml - 550 ml - 750 ml	0,83
14	Bình xóc lắc (Boston shaker)	- Body shaker: 28oz - Mixing glass	0,83
15	Bình xóc lắc (American shaker)	- Body shaker: 28oz - Mixing inox	0,83
16	Đồ đong - pony, jigger	- 15/30 ml - 30/45 ml -20/40ml - 30/60 ml	0,83
17	Ly đong nhựa	- 100 ml - 250 ml - 500 ml - 1000 ml	0,83
18	Vòi rót - Free pourer	Chất liệu: inox	0,83
19	Vòi rót - Speed pourer	Chất liệu nhựa, có bi lăn	0,83
20	Lược rượu - Bar strainer	Chất liệu: inox	0,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
21	Lược rượu (lược lưới)	Chất liệu: inox	0,83
22	Dao nhỏ	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	0,83
23	Dao lớn	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	0,83
24	Dao tỉa	- Kích cỡ: dài 15cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	0,83
25	Dao bào	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	0,83
26	Dụng cụ bào vỏ chanh	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	0,83
27	Thớt	- Kích cỡ: 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu: trắng	0,83
28	Gắp trang trí- garnish tongs	- Kích cỡ: 11 cm - Chất liệu: inox - Hình dáng: đầu tròn	0,83
29	Nhíp gắp trang trí	- Kích cỡ: 20 cm - Chất liệu: inox	0,83
30	Cây dằm pha chế	- Chất liệu: nhựa cứng - Kích thước: 21 cm	0,83
31	Dụng cụ viền miệng ly-Bar rimmer	- Chất liệu: nhựa - Màu sắc: đen	0,83
32	Xúc đá	-Chất liệu: inox - Kích thước: dài 25 cm	0,83
33	Xô ướp lạnh rượu vang	- Chất liệu: inox - Đường kính: 22 cm - Chiều cao: 25 cm - Thể tích: 6L - Chân xô: 80cm	0,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
34	Nắp đóng chai rượu vang - wine stopper	Chất liệu: inox	0,83
35	Nắp đóng chai rượu champagne-champagne stopper	Chất liệu: inox	0,83
36	Đồ khui rượu vang	- Chất liệu inox/ thép - Kích thước: 15 cm	0,83
37	Đồ khui bia	- Chất liệu: inox - Kích thước: 15 cm	0,83
38	Nắp gài giữ chai úp ngược	- Chất liệu: nhựa - Màu sắc: tuỳ chọn	0,83
39	Mâm bê thức uống	- Loại tròn - 40cm - Loại chữ nhật 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: nâu	0,83
40	Cây khuấy dài - bar spoon	- Kích thước: 32 cm - Chất liệu: inox	0,83
41	Cây khuấy ngắn	- Kích thước: 12 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	0,83
42	Muỗng khuấy dài	- Kích thước: 22 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	0,83
43	Muỗng cà phê cán dài	- Kích thước: 18,5 x 2,6 cm - Chất liệu: inox	0,83
44	Muỗng súp	- Kích thước: 18 x 4 cm/ dày 1,5 mm - Chất liệu: inox	0,83
45	Ray lược lớn	- Đường kính: 20 cm - Chất liệu: inox	0,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
46	Bình đựng nước trái cây - juice containers	- Dung tích: 1L - Chất liệu: nhựa trắng	0,83
47	Hộp đựng trang trí	- 6 ngăn, có nắp đậy - Chất liệu nhựa - Màu: trắng,đen - Kích cỡ: 50 x 15 x 10 cm	0,83
48	Lót ly	- Hình dáng: tròn, vuông - Chất liệu: giấy, vải, nhựa	0,83
49	Ống hút thẳng	Phi 8	0,83
50	Ống hút bẻ cong	Phi 6	0,83
51	Ống hút nghệ thuật	Phi 6	0,83
52	Cây trang trí - cocktail parasols	- Hình dáng: dù, trái cây - Màu sắc: đa dạng - Chất liệu: gỗ, giấy	0,83
53	Cây xiên trang trí - cocktail picks	- Hình dáng: đa dạng - màu sắc: đa dạng - Chất liệu: nhựa, inox, tre	0,83
54	Khăn giấy	- Kích thước: 33 x 33 cm - Chất liệu: bột giấy nguyên chất - Màu sắc: trắng	0,83
55	Khăn lau ly	- Chất liệu: vải không xù lông, không bụi vải - Màu sắc: trắng - Kích thước: 45 x 45 cm	0,83
56	Khăn lau bàn	- Chất liệu: vải thấm hút tốt - Màu sắc: đa dạng	0,83
57	Cây rửa ly	- Chất liệu: mút xốp ,cán nhựa - Màu sắc: nhiều màu - Kích thước: 25 x 5 cm	0,83
58	Bọt biển rửa ly	- Kích thước: 10,7 x 6,7 x 3,5 cm - Màu sắc: xnah vàng	0,83
59	Cước nhôm chà rửa	Hình dáng: tròn, búi sợi	0,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
60	Tấm lót cao su pha chế	- Hình dáng: gai cao su nổi lên - Chất liệu : cao su - Kích thước : 60 cm x 30 cm, Dày: 0.9 cm - Màu sắc: Đen	0,83
61	Cây đánh bọt cà phê	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: đa dạng	0,83
62	Phin pha cà phê	- Kích thước: 7cm - 9cm - Chất liệu: inox	0,83
63	Nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ nước	- Phạm vi nhiệt độ: -50 độ-300 độ (-58 - 572 độ F) - Thời gian phản ứng: 5 giây - Pin: pin đồng xu (1 * LR44) - Độ phân giải: 0,1 độ C / 0,1 độ F - Màu sắc: Trắng - Chất liệu: ABS - Kích thước: 10x6x3cm	0,83
64	Thau	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 32 x 12 cm	0,83
65	Rổ	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 30 x 10 cm	0,83
66	Chén	- Chất liệu: inox - Kích thước: đường kính 15 cm	0,83
67	Chén	- Chất liệu: inox - Kích thước: đường kính 15 cm	0,83
68	Dĩa nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 12cm, 15 cm - Màu sắc: trắng	0,83
69	Dĩa	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 25 cm - Màu sắc: trắng	0,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
70	Tô nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 15 cm - Màu sắc: trắng	0,83
71	Tô lớn	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 20 cm - Màu sắc: trắng	0,83
72	Tách trà và dĩa lót	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	0,83
73	Tách cà phê & dĩa lót	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	0,83
74	Hủ đựng đồ (dao, muỗng, ống hút….)	- Chất liệu: sứ - Kích thước: cao 15 cm - Màu sắc: đa dạng	0,83
75	Bình đựng nước -Pitcher	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 1,3L - 2L	0,83
76	Bình đựng nước - Carafe	- chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 250 ml/ 500 ml	0,83
77	Bình chiết rượu vang (Wine Decanter)	- Chất liệu: thuỷ tinh - Hình dáng: đa dạng - Dung tích: 1400 ml	0,83
78	Ly Shot	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 30 - 45 ml	0,83
79	Ly shooter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 60 - 90 ml	0,83
80	Ly Rocks	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 360 ml	0,83
81	Ly Highball	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 350 ml	0,83
82	Ly Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 400 ml	0,83
83	Ly Beer Mug	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 420 ml	0,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
84	Ly Mixing	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 500 - 700 ml	0,83
85	Ly Hurricane	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 450 ml	0,83
86	Ly Brandy Snifter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 300 - 450 ml	0,83
87	Ly Water Goblet	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 380 ml	0,83
88	Ly Irish Coffee	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 220 - 270 ml	0,83
89	Ly Footed Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 400 ml	0,83
90	Ly Absinthe	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 220 ml	0,83
91	Ly Champagne saucer	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	0,83
92	Ly Champagne flute	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	0,83
93	Ly champagne tulip	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	0,83
94	Ly Margarita	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 210 - 240 ml	0,83
95	Ly cocktail	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 150 - 300 ml	0,83
96	Ly double cocktail	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 210 - 300 ml	0,83
97	Ly Poco Gramande	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 320 - 360 ml	0,83
98	Ly Martini	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 90 - 120 ml	0,83

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
99	Ly Liqueur	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 30 - 90 ml	0,83
100	Ly vang đỏ	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 300 ml	0,83
101	Ly vang trắng	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 300 ml	0,83
102	Ly Port	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 60 - 90 ml	0,83

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Rượu White Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
2	Rượu Reposado Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
3	Rượu Gold Tequila	Chai	- Nhãn hiệu: Jose cuervo - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
4	Rượu Anejo Tequila	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
5	Rượu Extra anejo Tequila	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
6	Rượu Neutral Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Smirnoff - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Nga	0,06
7	Rượu Flavored Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Absolut - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Citron	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
8	Rượu White Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Bacardi - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Cuba	0,06
9	Rượu Gold Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Bacardi - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Cuba	0,06
10	Rượu Dark Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Captain Morgan - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06
11	Rượu Flavored Rum	Chai	- Nhãn hiệu: Captain Morgan Spice Rum - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06
12	Rượu Rum - Cachaca	Chai	- Nhãn hiệu: Cachaca 51 - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Brazil	0,06
13	Rượu Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: St - Remy - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
14	Rượu Cognac	Chai	- Nhãn hiệu: Hennessy - VSOP - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
15	Rượu Armagnac	Chai	- Nhãn hiệu: Chapot - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
16	Rượu Blended Scotch Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Johnnie walker - Red Label - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06
17	Rượu Single Malt Scotch Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Glenfiddich - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
18	Rượu Bourbon	Chai	- Nhãn hiệu: Jim Beam - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
19	Rượu Tennessee	Chai	- Nhãn hiệu: Jack Daniel’s - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
20	Rượu Irish Whiskey	Chai	- Nhãn hiệu: Jameson - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ireland	0,06
21	Rượu Canadian Whisky	Chai	- Nhãn hiệu: Canadian Club - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Canada	0,06
22	Rượu London dry Gin	Chai	- Nhãn hiệu: Gordon’s - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Anh	0,06
23	Rượu Dry Gin	Chai	- Nhãn hiệu: Sông Cái - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
24	Rượu Aromatic bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Angostura - Dung tích: 200ml - Xuất xứ: Trinidad	0,06
25	Rượu Aromatic bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Angostura - Dung tích: 200ml - Xuất xứ: Trinidad	0,06
26	Rượu Bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Campari - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
27	Rượu Anise	Chai	- Nhãn hiệu: Pernod - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
28	Rượu Anise	Chai	- Nhãn hiệu: Ricard - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
29	Rượu Absinthe	Chai	- Nhãn hiệu: Pere Kermann’s - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
30	Rượu Bitter	Chai	- Nhãn hiệu: Fernet Branca - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
31	Rượu Pimm's	Chai	- Nhãn hiệu: Pimm’s $N^0$1 - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Anh	0,06
32	Rượu Cointreau	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
33	Rượu Gramand Marnier	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
34	Rượu Blue Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
35	Rượu Triple Sec	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
36	Rượu Orange Curacao	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
37	Rượu Benedictine	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
38	Rượu Drambuie	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Scotland	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
39	Rượu Galliano	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
40	Rượu Crème de menth - Grameen	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
41	Rượu Crème de menth - white	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
42	Rượu Chartreuse	Chai	- Dung tích: 700 ml - Màu: xanh, vàng - Xuất xứ: Pháp	0,06
43	Rượu Parfait Amour	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
44	Rượu Jagermeister	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Đức	0,06
45	Rượu Amaretto	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
46	Rượu Crème de cacao - white	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
47	Rượu Crème de cacao - brown	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
48	Rượu Kahlúa	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: mexico	0,06
49	Rượu Tia Maria	Chai	- Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Jamaica	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
50	Rượu Sambuca	Chai	- Nhãn hiệu: Vaccari - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
51	Rượu Apricot Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
52	Rượu Cherry Brandy	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
53	Rượu Peach Liqueur	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
54	Rượu Southern Comfort	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Mỹ	0,06
55	Rượu Creme de Banana	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
56	Rượu Creme de Cassis	Chai	- Nhãn hiệu: Bols/ Marie Brizard - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
57	Rượu Midori	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Nhật	0,06
58	Rượu Malibu	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Mexico	0,06
59	Rượu Bailey's Irish Cream	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ireland	0,06
60	Rượu Amarula	Chai	- Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Nam phi	0,06
61	Rượu Sheridan's	Chai	- Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ireland	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
62	Rượu Mật Sim	Chai	- Nhãn hiệu: Bảy Gáo - Dung tích: 500 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
63	Rượu Sim chưng cất	Chai	- Nhãn hiệu: Sim Sơn - Dung tích: 600 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
64	Rượu Lúa mới	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
65	Rượu Vodka	Chai	- Nhãn hiệu: Hà Nội - Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
66	Rượu Bầu đá	Chai	- Dung tích: 700 ml - Xuất xứ: Việt Nam	0,06
67	Rượu Rosso Vermouth	Chai	- Nhãn hiệu: Martini - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
68	Rượu Dry Vermouth	Chai	- Nhãn hiệu: Martini - Dung tích: 1000 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
69	Rượu Sparkling wine	Chai	- Nhãn hiệu: Moscato - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Ý	0,06
70	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Incio Cabernet Sauvignon - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Chile	0,06
71	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Gowers Gate Shiraz - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Úc	0,06

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
72	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Bordeaux 1697 Fontana - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Pháp	0,06
73	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Manu Pinot Noir - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: New Zealand	0,06
74	Rượu Red wine	Chai	- Nhãn hiệu: Santa Chilena Merlot - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Chile	0,06
75	Rượu White wine 1697 Sauvignon Blanc	Chai	- Nhãn hiệu: 1697 Sauvignon Blanc - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: New Zealand	0,06
76	Rượu White wine	Chai	- Nhãn hiệu: Chilena Sauvignon Blanc - Dung tích: 750 ml - Xuất xứ: Chile	0,06
77	Giáo trình quản lý thức uống	Cuốn	Giao trình của trường ban hành	1
78	Bút lông viết bảng	Cây	Loại thông dụng, màu mực đậm	0,02
79	Pin tiểu 2A	Viên	Loại thông dụng, chưa qua sử dụng	002

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Định mức phòng học lý thuyết	1,7	0,43	0,73
2	Định mức phòng/Xưởng thực hành	4	0,83	3,33

Bảng 5: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ ĐUN: QUẢN LÝ VẬN HÀNH QUẦY BAR

Tên nghề: **Nghiệp vụ Bar trưởng**

Tên mô đun: **Quản lý vận hành quầy Bar**

Mã mô đun: MĐ05

Trình độ đào tạo: Sơ cấp I

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 người học, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên và lớp học thực hành 18 học viên.

I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

STT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
I	**Định mức lao động trực tiếp**	**2,37**	
1	*Định mức giờ dạy lý thuyết*	0,43	
2	*Định mức giờ dạy thực hành*	1,94	
II	**Định mức lao động gián tiếp**	**0,11**	

II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
A	**THIẾT BỊ DẠY LÝ THUYẾT**		
1	Máy tính	Hệ điều hành window 10 trở lên. Office 2016 trở lên	0,43
2	Loa	Âm thanh rõ, nói nhẹ, không hú	0,43
3	Máy chiếu, màn chiếu	- Cường độ chiếu sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phông chiếu: ≥ (1800x1800) mm	0,43
4	Bảng trắng	Bảng 60cm x 100cm Có bánh xe di chuyển	0,43
5	Micro không dây	Bắt âm tốt, không hú rít, không vỡ tiếng. Khoảng cách sử dụng: 50m Tần số: 700 -770 kHz	0,43

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
		Độ méo tiếng: 0,5%	
B	**THIẾT BỊ DẠY THỰC HÀNH**		
1	Quầy bar pha chế	Kích thước: theo diện tích phòng học Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	1,94
2	Tủ đựng ly	Kích thước: theo diện tích phòng học Kiểu dáng, chất liệu: loại thông dụng trên thị trường	1,94
3	Ghế quầy bar	Kích thước: W460 x D460 x H(750 - 970)mm Ghế bar mặt nhựa hình đĩa	1,94
4	Máy làm đá viên	Năng suất làm đá: 100kg/ngày Tần số: 50 Hz Điện áp: 220V Công suất: 750W Vỏ máy: inox	1,94
5	Máy làm đá bào	Điện áp: 220V/50Hz Công suất: 500W Năng suất: 80kg/h Tốc độ quay: 2200 vòng/phút	1,94
6	Máy làm đá vụn	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	1,94
7	Tủ lạnh	- Dung tích: 300 lít Dòng điện: 220V/50Hz/1.5A	1,94
8	Máy xay cà phê	Nhãn hiệu: M80 auto - Màu sắc: đen - Công suất:300W - Khối lượng:12kg - Xuất xứ: Ý	1,94
9	Máy cà phê espresso	-Nhãn hiệu: BFC Classic Eva -Màu sắc: Bạc - Trọng lượng:70kg	1,94

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
10	Máy xay sinh tố	- Nhãn hiệu: Hamilton - Dung tích: 1,8L - Công suất: 1000W - Điện áp: 220 -240V	1,94
11	Máy ép trái cây	- Nhãn hiệu: Philips - Dung tích: 1,5L - Công suất: 500W - Điện áp: 220 -240V	1,94
12	Máy vắt cam,chanh	- Công suất: 25W - Chất liệu vỏ: nhựa - Điện áp: 220V-240V	1,94
13	Bình xóc lắc (Standard shaker)	- 350 ml - 550 ml - 750 ml	1,94
14	Bình xóc lắc (Boston shaker)	- Body shaker: 28oz - Mixing glass	1,94
15	Bình xóc lắc (American shaker)	- Body shaker: 28oz - Mixing inox	1,94
16	Đồ đong - pony, jigger	- 15/30 ml - 30/45 ml - 20/40 ml - 30/60 ml	1,94
17	Ly đong nhựa	- 100 ml - 250 ml - 500 ml - 1000 ml	1,94
18	Vòi rót - Free pourer	Chất liệu: inox	1,94
19	Vòi rót - Speed pourer	Chất liệu nhựa, có bi lăn	1,94
20	Lược rượu - Bar strainer	Chất liệu: inox	1,94
21	Lược rượu (lược lưới)	Chất liệu: inox	1,94

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
22	Dao nhỏ	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	1,94
23	Dao lớn	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	1,94
24	Dao tỉa	- Kích cỡ: dài 15cm - Chất liệu: inox, cán nhựa	1,94
25	Dao bào	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	1,94
26	Dụng cụ bào vỏ chanh	- Kích thước: 20 cm - Chất liệu: inox	1,94
27	Thớt	- Kích cỡ: 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu: trắng	1,94
28	Gắp trang trí- garnish tongs	- Kích cỡ: 11 cm - chất liệu: inox - Hình dáng: đầu tròn	1,94
29	Nhíp gắp trang trí	- Kích cỡ: 20 cm - chất liệu: inox	1,94
30	Cây dằm pha chế	- Chất liệu: nhựa cứng - Kích thước: 21 cm	1,94
31	Dụng cụ viền miệng ly-Bar rimmer	- Chất liệu: nhựa - Màu sắc: đen	1,94
32	Xúc đá	-Chất liệu: inox - Kích thước: dài 25 cm	1,94
33	Xô ướp lạnh rượu vang	- Chất liệu: inox - Đường kính: 22 cm - Chiều cao: 25 cm - Thể tích: 6L - Chân xô: 80cm	1,94

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
34	Nắp đóng chai rượu vang - wine stopper	Chất liệu: inox	1,94
35	Nắp đóng chai rượu champagne-champagne stopper	Chất liệu: inox	1,94
36	Đồ khui rượu vang	- Chất liệu inox/ thép - Kích thước: 15 cm	1,94
37	Đồ khui bia	- Chất liệu: inox - Kích thước: 15 cm	1,94
38	Nắp gài giữ chai úp ngược	- Chất liệu: nhựa - Màu sắc: tuỳ chọn	1,94
39	Mâm bê thức uống	- Loại tròn - 40cm - Loại chữ nhật 30 x 40 cm - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: nâu	1,94
40	Cây khuấy dài - bar spoon	- Kích thước: 32 cm - Chất liệu: inox	1,94
41	Cây khuấy ngắn	- Kích thước: 12 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	1,94
42	Muỗng khuấy dài	- Kích thước: 22 cm - Chất liệu: nhựa - Nhiều màu sắc - Hình dáng: đa dạng	1,94
43	Muỗng cà phê cán dài	- Kích thước: 18,5 x 2,6 cm - Chất liệu: inox	1,94
44	Muỗng súp	- Kích thước: 18 x 4 cm/ dày 1,5 mm - Chất liệu: inox	1,94

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
45	Ray lược lớn	- Đường kính: 20 cm - Chất liệu: inox	1,94
46	Bình đựng nước trái cây - juice containers	- Dung tích: 1L - Chất liệu: nhựa trắng	1,94
47	Hộp đựng trang trí	- 6 ngăn, có nắp đậy - Chất liệu nhựa - Màu: trắng,đen - Kích cỡ: 50 x 15 x 10 cm	1,94
48	Lót ly	- Hình dáng: tròn, vuông - Chất liệu: giấy, vải, nhựa	1,94
49	Ống hút thẳng	Phi 8	1,94
50	Ống hút bẻ cong	Phi 6	1,94
51	Ống hút nghệ thuật	Phi 6	1,94
52	Cây trang trí - cocktail parasols	- Hình dáng: dù, trái cây - Màu sắc: đa dạng - Chất liệu: gỗ, giấy	1,94
53	Cây xiên trang trí - cocktail picks	- Hình dáng: đa dạng - Màu sắc: đa dạng - Chất liệu: nhựa, inox, tre	1,94
54	Khăn giấy	- Kích thước: 33 x 33 cm - Chất liệu: bột giấy nguyên chất - Màu sắc: trắng	1,94
55	Khăn lau ly	- Chất liệu: vải không xù lông, không bụi vải - Màu sắc: trắng - Kích thước: 45 x 45 cm	1,94
56	Khăn lau bàn	- Chất liệu: vải thấm hút tốt - Màu sắc: đa dạng	1,94
57	Cây rửa ly	- Chất liệu: mút xốp ,cán nhựa - Màu sắc: nhiều màu - Kích thước: 25 x 5 cm	1,94

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
58	Bọt biển rửa ly	- Kích thước: 10,7 x 6,7 x 3,5 cm - Màu sắc: xnah vàng	1,94
59	Cước nhôm chà rửa	Hình dáng: tròn, búi sợi	1,94
60	Tấm lót cao su pha chế	- Hình dáng: gai cao su nổi lên - Chất liệu : cao su - Kích thước : 60 cm x 30 cm, Dày: 0.9 cm - Màu sắc: Đen	1,94
61	Cây đánh bọt cà phê	- Kích thước: 30 cm - Chất liệu: nhựa - màu sắc: đa dạng	1,94
62	Phin pha cà phê	- Kích thước: 7cm - 9cm - Chất liệu: inox	1,94
63	Nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ nước	- Phạm vi nhiệt độ: -50 độ-300 độ (-58 - 572 độ F) - Thời gian phản ứng: 5 giây - Pin: pin đồng xu (1 * LR44) - Độ phân giải: 0,1 độ C / 0,1 độ F - Màu sắc: Trắng - Chất liệu: ABS - Kích thước: 10x6x3cm	1,94
64	Thau	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 32 x 12 cm	1,94
65	Rổ	- Chất liệu: inox - Kích cỡ: 30 x 10 cm	1,94
66	Chén	- Chất liệu: inox - Kích thước: đường kính 15 cm	1,94
67	Chén	- Chất liệu: inox - Kích thước: đường kính 15 cm	1,94
68	Dĩa nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 12cm, 15 cm - Màu sắc: trắng	1,94

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
69	Dĩa	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 25 cm - Màu sắc: trắng	1,94
70	Tô nhỏ	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 15 cm - Màu sắc: trắng	1,94
71	Tô lớn	- Chất liệu: sứ - Kích thước: đường kính 20 cm - Màu sắc: trắng	1,94
72	Tách trà và dĩa lót	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	1,94
73	Tách cà phê và dĩa lót	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.	1,94
74	Hủ đựng đồ (dao, muỗng, ống hút….)	- Chất liệu: sứ - Kích thước: cao 15 cm - Màu sắc: đa dạng	1,94
75	Bình đựng nước - Pitcher	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 1,3L - 2L	1,94
76	Bình đựng nước - Carafe	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 250 ml/ 500 ml	1,94
77	Wine Decanter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Hình dáng: đa dạng - Dung tích: 1400 ml	1,94
78	Ly Shot	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 30 - 45 ml	1,94
79	Ly shooter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 60 - 90 ml	1,94
80	Ly Rocks	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 360 ml	1,94

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
81	Ly Highball	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 350 ml	1,94
82	Ly Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 400 ml	1,94
83	Ly Beer Mug	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 360 - 420 ml	1,94
84	Ly Mixing	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 500 - 700 ml	1,94
85	Ly Hurricane	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 450 ml	1,94
86	Ly Brandy Snifter	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 300 - 450 ml	1,94
87	Ly Water Goblet	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 380 ml	1,94
88	Ly Irish Coffee	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 220 - 270 ml	1,94
89	Ly Footed Pilsner	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 330 - 400 ml	1,94
90	Ly Absinthe	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 220 ml	1,94
91	Ly Champagne saucer	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	1,94
92	Ly Champagne flute	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	1,94
93	Ly champagne tulip	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 180 - 240 ml	1,94
94	Ly Margarita	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 210 - 240 ml	1,94

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
95	Ly cocktail	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 150 - 300 ml	1,94
96	Ly double cocktail	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 210 - 300 ml	1,94
97	Ly Poco Gramande	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 320 - 360 ml	1,94
98	Ly Martini	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 90 - 120 ml	1,94
99	Ly Liqueur	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 30 - 90 ml	1,94
100	Ly vang đỏ	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 300 ml	1,94
101	Ly vang trắng	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 240 - 300 ml	1,94
102	Ly Port	- Chất liệu: thuỷ tinh - Dung tích: 60 - 90 ml	1,94

III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư
1	Giấy trắng	Tờ	Khổ A4, A3	1
2	Viết bi	Cây	Mực: xanh, đỏ	1
3	Viết lông dầu	Cây	Đặc điểm: bút 2 đầu Màu: xanh, đỏ, đen	1
4	Giáo trình quản lý vận hành quầy bar	Cuốn	Giáo trình của trường ban hành	1
5	Bút lông viết bảng	Cây	Loại thông dụng, màu mực đậm	0,02

IV. ĐỊNH MỨC CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Tên Cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng trung bình của một người *(m^2)*	Tổng thời gian sử dụng của một người *(giờ)*	Định mức sử dụng của một người *(m^2/người học x số giờ)*
1	Định mức phòng học lý thuyết	1,7	0,43	0,73
2	Định mức phòng/Xưởng thực hành	4	1,94	7,76

(Xem tiếp Công báo điện tử số 285 + 286)